

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả xây dựng Nông thôn mới đến năm 2021 huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

##### **1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội**

Triệu Sơn là huyện đồng bằng - bán sơn địa nằm ở phía Tây - Nam của châu thổ sông Mã - sông Chu tỉnh Thanh Hóa, cách trung tâm Thành phố Thanh Hóa 20 km về phía Tây, tiếp giáp giữa các huyện đồng bằng với các huyện miền núi của tỉnh. Tổng diện tích đất tự nhiên 29.004 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp 13.620 ha, chiếm 46,96%; đất lâm nghiệp 4.881 ha, chiếm 16,83%. Phía Bắc giáp huyện Thọ Xuân, Thiệu Hóa; Phía Nam giáp huyện Như Thanh, Nông Cống; Phía Đông giáp huyện Đông Sơn; Phía Tây giáp huyện Thường Xuân và Thọ Xuân. Là huyện có dân số lớn thứ tư toàn tỉnh với 204.379 người, có ba dân tộc chủ yếu là dân tộc Kinh 196.563 người, chiếm 96,18%; dân tộc Mường 4.365 người, chiếm 2,14%; dân tộc Thái 3.236 người, chiếm 1,58%. Đảng bộ huyện có 60 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc với 12.343 đảng viên.

Triệu Sơn là vùng đất "địa linh nhân kiệt", giai đoạn Văn hóa Đông Sơn, Triệu Sơn đã là một vùng đất trù mật được khai phá bởi lớp cư dân Việt cổ trên một diện tích rộng. Núi Nưa (nay thuộc Thị trấn Nưa) thời nghìn năm Bắc thuộc là địa điểm căn cứ cuộc khởi nghĩa Bà Triệu chống lại nhà Đông Ngô năm 248. Qua các triều đại phong kiến, huyện có có nhiều người đỗ tiến sĩ các kỳ thi, trong đó có 3 người đỗ tiến sĩ được ghi danh bia ở Quốc Tử Giám: Ông Lê Bật Tứ ở Thị trấn Nưa, ông Nguyễn Hiệu, ông Nguyễn Hoãn (con ông Nguyễn Hiệu) ở xã Nông Trường; là vùng quê giàu truyền thống văn hóa và cách mạng với 04 di tích lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia (Đền Nưa - Am Tiên, đền thờ Lê Bật Tứ tại Thị trấn Nưa, di tích lịch sử Lê Thì Hiến tại xã Thọ Phú, nhà thờ Nguyễn Hiệu tại xã Nông Trường) và 26 di tích cấp tỉnh. Trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, huyện có 07 tập thể và 07 cá nhân được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, tiêu biểu như Anh hùng Liệt sĩ lực lượng vũ trang nhân dân Tô Vĩnh Diện (thời kỳ chống Pháp). Trong thời kỳ đổi mới huyện Triệu Sơn đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng ba năm 2015 và được Chính phủ tặng cờ thi đua năm 2020.

Năm 2010, Triệu Sơn triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Với số xã thực hiện xây dựng NTM nhiều, trong đó có 4 xã miền núi đặc biệt khó khăn. Thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt 13,2 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo cao chiếm 24,7%. Bình quân tiêu chí toàn huyện mới đạt 5,3 tiêu chí/xã.

Sau 11 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, với sự hỗ trợ của Trung ương, của Tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh, sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của toàn thể Đảng bộ, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân trong huyện Triệu Sơn đã khoác lên mình diện mạo mới, khang trang hơn, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên. Đến nay, huyện đã có 32/32 xã đạt chuẩn NTM (huyện có xã Minh Dân là một trong 03 xã điểm xây dựng xã đạt chuẩn NTM của tỉnh vào năm 2012) và huyện đã đạt 9/9 tiêu chí huyện NTM; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở khám chữa bệnh đã đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản từ 33,2% năm 2010 xuống còn 14,2% năm 2020, công nghiệp - xây dựng từ 36,3% năm 2010 lên 50,5% năm 2020, các ngành dịch vụ từ 30,5% năm 2010 lên 35,3% năm 2020; thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện năm 2021 ước đạt 47,73 triệu đồng/người, gấp 3,62 lần năm 2010, khu vực nông thôn có mức thu nhập đạt 47,27 triệu đồng/người/năm (cao hơn so với mức bình quân chung của tỉnh). Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 24,7% năm 2010 xuống còn 0,92% năm 2021, bình quân tiêu chí NTM toàn huyện tăng 13,7 tiêu chí/xã so với khi triển khai thực hiện Chương trình; đời sống người dân ngày càng được nâng cao.

## **2. Thuận lợi**

Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM là chủ trương đúng đắn, thể hiện sự quan tâm và chăm lo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn nên ngay từ khi Trung ương Đảng Khóa X ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, hệ thống chính trị và nhân dân trong huyện rất đồng lòng và có quyết tâm cao để phấn đấu xây dựng huyện trở thành huyện NTM.

Trong giai đoạn vừa qua, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, hướng dẫn kịp thời để thúc đẩy phong trào, tạo điều kiện để huyện thu hút và huy động nguồn lực tập trung phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

Địa hình của huyện thấp dần về phía Bắc, nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam; huyện có dãy núi Nưa với đỉnh cao nhất 538m so với mặt nước biển, nơi đây có khoáng sản quý hiếm đó là quặng Cromít, đây là nơi duy nhất trong nước có mỏ kim loại quý hiếm này ở vùng Cổ Định (nay thuộc Thị trấn Nưa) chính là một trung tâm khai thác từ thời Pháp thuộc cho đến nay; có 2 con sông nội địa chảy qua là sông Hoàng và sông Nhôm (hai nhánh của sông Yên) với chiều dài 75,04 km.

Huyện có vị trí địa lý, có hệ thống giao thông thuận lợi và đồng bộ, có các tuyến đường quan trọng chạy qua địa bàn như: Tuyến cao tốc Bắc - Nam; QL 47 và QL 47C; có 06 tuyến tỉnh lộ và tuyến đường nối từ trung tâm Thành phố Thanh Hóa với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp- dịch vụ; là vùng trọng điểm lúa của tỉnh, đất đai màu mỡ thuận lợi cho sản xuất trồng trọt, có vùng đồi bán sơn địa để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại đây là tiềm năng lớn để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật

chất và tinh thần của Nhân dân.

Huyện có nhiều di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt là di tích lịch sử cấp quốc gia Đền Nưa - Am Tiên một trong những huyệt đạo nổi tiếng của Việt Nam là lợi thế về phát triển du lịch.

Nhân dân trong huyện cần cù chịu khó, năng động sáng tạo, có kiến thức hăng say lao động, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Nhà nước và điều hành của cấp uỷ, chính quyền là nguồn lực quyết định sự thành công trong xây dựng NTM.

### **3. Khó khăn**

Khi bắt đầu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, kinh tế của huyện chủ yếu là thuần nông, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; cơ sở hạ tầng còn yếu kém; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ chưa phát triển, thu nhập của người dân còn thấp.

Là huyện có số đơn vị hành chính cấp xã nhiều, khi bắt đầu triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) huyện có 36 đơn vị hành chính (35 xã và 1 thị trấn), trong đó có 4 xã miền núi đặc biệt khó khăn, khi bắt đầu Chương trình xây dựng NTM bình quân chỉ đạt 3 tiêu chí/xã và có khoảng cách lớn về mức độ phát triển so với các xã còn lại trong huyện. Đến nay, huyện Triệu Sơn có 32 xã và 2 thị trấn, là huyện có số xã thực hiện xây dựng NTM đứng thứ 2 toàn tỉnh (sau huyện Hoằng Hóa).

Năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể ở một số xã còn hạn chế, đặc biệt là ở các xã đặc biệt khó khăn; trình độ chuyên môn của một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; một bộ phận cán bộ và người dân có tư tưởng trông chờ ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

## **II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG HUYỆN NTM**

**1. Văn bản của Trung ương (Phụ biểu số 1)**

**2. Văn bản của tỉnh Thanh Hóa (Phụ biểu số 2)**

## **III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NTM**

### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Để đánh giá khách quan thực trạng của từng xã, dự báo mức độ hoàn thành các tiêu chí, triển khai các giải pháp xây dựng NTM, tập trung xóa nghèo bền vững, không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống bằng các biện pháp đồng bộ, trong đó trọng tâm là phát triển sản xuất; công tác chỉ đạo, điều hành đã được triển khai đồng bộ từ huyện đến xã, thôn. Cụ thể:

#### ***1.1. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình***

Để tập trung chỉ đạo, năm 2010 huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo (BCĐ) chương trình xây dựng NTM huyện do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, các thành viên là các đồng chí lãnh đạo huyện, lãnh đạo các đơn vị, phòng ban, ngành, các tổ chức đoàn thể làm ban viên; thành lập tổ giúp việc cho BCĐ. Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra, được sự chỉ đạo của BCĐ tỉnh, năm 2011 huyện đã kiện toàn BCĐ chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM với 36 thành viên do đồng chí Bí thư Huyện uỷ làm Trưởng BCĐ,

ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BCD; chỉ đạo các xã kiện toàn Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm trưởng ban, đồng chí Chủ tịch UBND xã làm phó Trưởng ban; thành lập Ban phát triển thôn ở các thôn do đồng chí Bí thư chi bộ làm trưởng ban. Phân công nhiệm vụ phụ trách cụm cho các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, mỗi đồng chí Huyện ủy viên trực tiếp chỉ đạo một xã cụ thể, bám sát cơ sở, kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương giải quyết các vấn đề phát sinh một cách hiệu quả. BCD huyện được kiện toàn khi có thay đổi thành viên để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ. Để chỉ đạo, hướng dẫn các xã xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện xây dựng NTM, UBND huyện đã thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM huyện với 11 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách nông nghiệp làm Chánh Văn phòng. Văn phòng Điều phối được tổ chức và hoạt động đúng quy định, ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo qui định. Kiện toàn, bổ sung và thay đổi thành viên Văn phòng Điều phối NTM huyện khi có sự thay đổi (*theo phụ biểu số 03*).

Ngoài ra các xã đã thành lập Ban Quản lý Chương trình xây dựng NTM để huy động và sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Chỉ đạo làm điểm xây dựng NTM ở xã Minh Dân để nhân rộng ra các xã trên địa bàn huyện.

Ban Chỉ đạo huyện duy trì chế độ giao ban định kỳ hàng quý, sơ kết 6 tháng, tổng kết hàng năm, tổng kết giai đoạn 5 năm, 10 năm để đánh giá tình hình thực hiện xây dựng NTM, chỉ rõ những tồn tại hạn chế, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, xác định nguyên nhân, đề ra các giải pháp để chỉ đạo thực hiện trong năm tiếp theo.

Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM và hỗ trợ người dân, HĐND huyện và HĐND các xã đã ban hành nghị quyết, cơ chế, kế hoạch cụ thể để chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

Để xác định được lộ trình xây dựng NTM có khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế, huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phụ trách tiêu chí hướng dẫn và phối hợp với các xã rà soát chi tiết mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí NTM của tất cả các xã, chỉ ra những nội dung công việc cần phải hoàn thiện, từ đó xây dựng kế hoạch thực hiện, phương án huy động nguồn lực hợp lý, hiệu quả. Các xã đã ban hành Nghị quyết chuyên đề, xây dựng Đề án, Kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, thực hiện Chương trình xây dựng NTM tại xã.

Hàng năm Ban Thường vụ Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện, Thường trực Ban Chỉ đạo huyện đã thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát tại các xã về thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Qua công tác kiểm tra đã phát hiện những tồn tại, hạn chế và tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện, Thường trực Ban Chỉ đạo huyện lãnh đạo, chỉ đạo và xử lý kịp thời những yếu kém, khuyết điểm trong tổ chức xây dựng NTM, quản lý sử dụng vốn hỗ trợ, công nợ đầu tư xây dựng cơ bản của các xã, điều chỉnh thời gian đạt chuẩn đối với những đơn vị chưa thực sự đủ điều kiện vững mạnh toàn diện. Chấn chỉnh tư duy nóng vội, huy động nguồn lực quá sức dân và ngân sách xã hay tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chưa quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện các tiêu chí NTM. Chỉ đạo

nhân rộng, cổ vũ những cách làm hay, sáng tạo của các xã trong toàn huyện, mỗi năm thực hiện kiểm tra và giám sát thường xuyên tại 10 đến 12 xã. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện tích cực tham gia thực hiện hiệu quả công tác giám sát các nội dung xây dựng NTM trên địa bàn.

### **1.2. Ban hành các văn bản chỉ đạo**

Để thực hiện Chương trình xây dựng NTM, trong giai đoạn 2011-2021, cấp ủy, chính quyền huyện đã ban hành 38 văn bản chủ yếu (nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch, đề án) để lãnh đạo, chỉ đạo. Trong đó có các Chương trình trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện: Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng NTM địa bàn huyện giai đoạn 2016- 2020; Chương trình phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ gắn với phát triển đô thị huyện giai đoạn 2016- 2020; Chương trình đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với tái cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2016- 2020; Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025; Chương trình bảo vệ môi trường huyện giai đoạn 2021-2025.... (Phụ biểu số 4).

Huyện ủy, HĐND, UBND, Mặt trận tổ quốc huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai cuộc vận động và phát động phong trào thi đua “*Toàn dân chung sức xây dựng NTM*” tới các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

### **1.3. Cơ chế hỗ trợ khuyến khích xây dựng NTM**

Cùng với các chính sách của Trung ương, của Tỉnh, HĐND huyện đã ban hành nhiều cơ chế hỗ trợ nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình, đến nay tổng số tiền hỗ trợ từ ngân sách huyện giai đoạn 2010-2021 là 224.923 triệu đồng, đã góp phần quan trọng vào xây dựng NTM và phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Những cơ chế hỗ trợ của huyện đã trở thành động lực thu hút đầu tư và huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân, doanh nghiệp tạo khí thế thi đua sôi nổi thúc đẩy phong trào phát triển sản xuất và xây dựng NTM trong toàn huyện, cụ thể:

- Cơ chế hỗ trợ xây dựng NTM giai đoạn 2013-2016; Hỗ trợ mua máy cày với mức 40% giá trị mua máy, mua máy gặt đập liên hợp với mức 5% giá trị mua máy, hỗ trợ cơ sở mạ khay với mức 50 triệu đồng/cơ sở, thưởng cho xã đạt chuẩn NTM với mức 1.000 triệu đồng/xã....; tổng số tiền hỗ trợ là 16.300 triệu đồng.

- Cơ chế khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2017-2021; trong đó: Hỗ trợ mua máy cày với mức 40% giá trị mua máy, hỗ trợ cơ sở mạ khay với mức 50 triệu đồng/cơ sở, hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp với mức 5 triệu đồng/ha....; thưởng cho xã đạt chuẩn NTM với mức 1.000 triệu đồng/xã; hỗ trợ các xã làm đường giao thông nông thôn từ 20-100 triệu đồng/km (theo vùng xã và cấp đường); hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia từ 30- 200 triệu đồng/trường (theo mức độ đạt chuẩn), thưởng cho học sinh và giáo viên đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia từ 0,3 - 2 triệu đồng (theo giải đạt được); hỗ trợ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế từ

150 triệu đồng (xã miền xuôi), 180 triệu đồng/xã (xã miền núi); tổng số tiền hỗ trợ 44.795 triệu đồng.

- Cơ chế hỗ trợ các xã đang xây dựng NTM giai đoạn 2018-2020; trong đó hỗ trợ 60% tiền đầu giá quyền sử dụng đất (phần huyện được hưởng 50%) cho các xã xây dựng các công trình đạt chuẩn NTM với tổng số tiền 57.173 triệu đồng.

- Cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn NTM năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện; trong đó: Hỗ trợ 2 công sở, 4 nhà hội trường, 5 trạm y tế, 18 trường học, 69 nhà văn hóa thôn (xây mới 53 cái, nâng cấp 16 cái); tổng số tiền hỗ trợ 56.400 triệu đồng.

- Cơ chế hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã đạt chuẩn NTM năm 2021 trên địa bàn huyện (cơ chế đặc thù cho các xã khó khăn); trong đó: Hỗ trợ 01 đường giao thông nông thôn; 11 trường học; 01 công sở xã; 04 sân vận động; 29 nhà văn hóa thôn (cải tạo 13 cái, xây mới 14 cái); tổng số tiền hỗ trợ 40.305 triệu đồng.

- Cơ chế hỗ trợ xây dựng xã NTM, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, thôn kiểu mẫu và sản phẩm OCOP giai đoạn 2020-2025; trong đó năm 2021 hỗ trợ 9.950 triệu đồng.

## **2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn**

### **2.1. Công tác tuyên truyền**

Khi triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Ban Chỉ đạo từ huyện đến xã đã coi trọng công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, cơ chế chính sách của Trung ương, địa phương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đến với nhân dân. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng và bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như: Trung tâm Chính trị huyện đã lồng ghép đưa chuyên đề xây dựng NTM vào chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên hàng năm ở các xã, thị trấn; bằng nhiều hình thức tuyên truyền thông qua các hội nghị cán bộ, công chức, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt chi bộ, chi hội, chi đoàn, các cơ quan, đơn vị và trong các trường học trên địa bàn; ngoài ra công tác tuyên truyền còn được áp dụng trên các trang mạng xã hội như zalo, Facebook, youtube,... Hội Phụ nữ huyện tổ chức hội thi “Phụ nữ chung tay xây dựng NTM” từ cơ sở đến huyện, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia cô vũ cho hội thi,...; tuyên truyền qua Bản tin thông tin nội bộ của Huyện ủy; tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh với 5.130 tin bài phát thanh, trên 4.200 tin bài, ảnh trên cổng thông tin điện tử, 1.620 lượt tuyên truyền lưu động; tuyên truyền trực quan bằng các cụm tin, băng zon, khẩu hiệu, pano, áp phích, xây dựng được 245 cụm tin lớn, 12.356 pano, 11.670 băng ron, 8.830 khẩu hiệu tường.

Tất cả các xã trên địa bàn huyện đã xây dựng cụm, tuyến tuyên truyền điểm nhằm tuyên truyền bằng các hình thức trực quan và tạo nên cảnh quan đẹp cho mỗi vùng quê. Hệ thống Đài Truyền thanh huyện, xã đã mở các chuyên trang, chuyên mục hàng tuần và tăng thời lượng để tuyên truyền về xây dựng NTM; phối hợp tuyên truyền trên báo, đài của tỉnh, của Trung ương để phản ánh quá trình xây dựng NTM, nêu gương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến

trong phát triển sản xuất, hiến đất, góp công, gương mẫu đi đầu xây dựng NTM. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong hoạt động thường xuyên đã phát động thi đua, tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên, hưởng ứng phong trào “Chung sức xây dựng NTM”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”,... tuyên truyền những nhân tố mới, mô hình mới, cách làm hay, những thành quả, kết quả đạt được trong thực hiện xây dựng NTM.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, xây dựng đô thị văn minh”. Kết quả trong 11 năm qua, Nhân dân trong huyện đã đóng góp 6.876,849 tỷ đồng; trong đó: Đóng góp bằng tiền mặt 814,209 tỷ đồng (con em xa quê đóng góp 83,74 tỷ đồng), đóng góp 137.000 ngày công lao động trị giá 27,43 tỷ đồng, hiến đất 32,78 ha trị giá 42,810 tỷ đồng, sửa chữa, xây dựng nhà cửa, chỉnh trang vườn tạp trị giá 5.992,4 tỷ đồng. Với những đóng góp trên, đã góp phần cùng toàn huyện xây dựng thành công 32/32 xã đạt chuẩn NTM, 03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và phân đấu huyện đạt chuẩn NTM trong năm 2021.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã chủ động tích cực tham gia xây dựng NTM bằng các phong trào, các hoạt động thiết thực như: Thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, cuộc vận động xây dựng “Mái ấm tình thương” đã hỗ trợ xây mới và sửa chữa cho 50 nhà ở dân cư xuống cấp, dột nát với tổng số tiền 745 triệu đồng; tổ chức các hội thi “Phụ nữ chung tay xây dựng NTM”, “Phụ nữ Triệu Sơn với vệ sinh an toàn thực phẩm”, phát động mô hình “Trồng hoa thay thế cỏ dại ven đường” đã trồng được 226 km dài đường hoa, xây dựng được 15 mô hình “Tuyến đường mẫu”; hỗ trợ thành lập 05 HTX, 03 tổ hợp tác về chăn nuôi, sản xuất và, thu gom rác thải; thành lập 16 Câu lạc bộ “Tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm”; phối hợp với tỉnh tổ chức 49 lớp sơ cấp nghề cho 1.470 hội viên; vận động gia đình hội viên, phụ nữ và Nhân dân hiến 100.000 m<sup>2</sup> đất mở rộng nền đường, đặt 8.000 thùng rác thải tại khu dân cư, mua 7.917 thẻ Bảo hiểm y tế, 49 sổ Bảo hiểm xã hội tự nguyện. Hội đã giúp 1.256 hộ nghèo thoát nghèo, trong đó có 445 hộ do phụ nữ làm chủ, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện năm 2021 xuống còn 0,92% và hoàn thành tiêu chí số 9, 10, 11, 12, 17 trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM.

Hội Cựu Chiến binh huyện đã tuyên truyền vận động cán bộ, hội viên thực hiện phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu”. tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết chung sức xây dựng NTM”; là lực lượng nòng cốt động viên hội viên và nhân dân hiến hơn 120.000 m<sup>2</sup> đất làm đường giao thông nông thôn; huy động hơn 3.500 ngày công tham gia vệ sinh môi trường với 182 tổ bảo vệ môi trường sông, hồ; xây dựng 254 “Tổ an ninh tự quản” phối hợp với công an bảo đảm an ninh trật tự ở địa phương; triển khai thực hiện tốt phong trào “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo bền vững” đã giúp nhau giảm được 826 hộ gia đình hội viên nghèo; thực hiện cuộc vận động “Làm nhà nghĩa tình Cựu chiến binh”, trong 11 năm qua đã vận động hội viên xây dựng quỹ xóa được 26 nhà dột nát với số tiền 986 triệu đồng, góp phần cùng toàn huyện xây dựng NTM.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ, đi đầu tham gia thực hiện tốt các tiêu chí về xây dựng NTM. Đã thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên thanh niên tích cực hưởng ứng Phong trào “*Tuổi trẻ Triệu Sơn chung tay xây dựng NTM*”; huy động hàng vạn ngày công để thực hiện các chiến dịch làm sạch môi trường, tổ chức ra quân nạo vét các tuyến kênh, mương nội đồng với tổng chiều dài 55 km; thành lập và duy trì 45 tuyến đường thanh niên tự quản về sáng, xanh, sạch, đẹp; tổ chức được 18 lớp chuyên giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật cho đoàn viên thanh niên, hỗ trợ xây dựng 5 ngôi nhà khăn quàng đỏ cho đội viên nghèo; đăng tải trên 2.000 lượt tin, bài tuyên truyền về các hoạt động tham gia xây dựng NTM của thanh niên trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức 1.800 lượt tuyên truyền lưu động góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân về xây dựng huyện NTM; tuyên truyền các gương đoàn viên thanh niên tiêu biểu trong sản xuất, kinh doanh ...trong phong trào xây dựng NTM.

Hội Nông dân huyện tích cực tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân đóng góp xây dựng, tu sửa, làm mới đường giao thông nông thôn, giao thông và kênh mương nội đồng, nhà văn hóa thôn...; chỉnh trang và xây mới nhà ở dân cư. Đồng thời phát động, hướng dẫn hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hóa, bình quân mỗi năm có trên 23.000 hộ nông dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 85,7%. Tổ chức lắp đặt được 2.326 bể chứa vỏ thuốc bảo vệ thực vật và tổ chức thu gom; xây dựng 34 mô hình phân loại và xử lý rác hữu cơ; xây dựng 16 cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn. Có 13.280 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, chuyển đổi linh hoạt 2.760 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng 152 mô hình phát triển sản xuất; phối hợp với các Ngân hàng cho hơn 11.724 gia đình hội viên nông dân vay với dư nợ 824,934 tỷ đồng phục vụ phát triển sản xuất.

Liên Đoàn lao động huyện phát động nhiều phong trào thi đua như: Phong trào “Phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn gắn với xây dựng NTM”, phong trào thi đua “Lao động lao động giỏi, Lao động sáng tạo”, phong trào “Xanh, sạch, đẹp” bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, phong trào “Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật”, phong trào “Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”.....Tổ chức hơn 300 lớp tuyên truyền các chế độ, chính sách pháp luật các loại; phát trên 28 nghìn tờ gấp, tờ rơi; trao 22 tủ sách pháp luật tại các doanh nghiệp, cấp phát miễn phí 57 pano và băng zôn tuyên truyền các loại. Tổ chức Lễ khánh thành và bàn giao 67 nhà mái ấm công đoàn cho gia đình đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 2.540 triệu đồng; hỗ trợ vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm vay 6 dự án với số tiền 360 triệu đồng, tạo việc làm cho 13 hộ gia đình đoàn viên; phối hợp tổ chức 160 lớp tập huấn về chuyên giao khoa học kỹ thuật cho trên 2.240 lượt người tham gia.

## **2.2. Công tác đào tạo, tập huấn**

Hàng năm Ban Chỉ đạo huyện đã cử thành viên Ban Chỉ đạo, cán bộ phụ trách NTM huyện, trưởng, phó Ban Chỉ đạo xã, cán bộ theo dõi NTM xã tham gia các lớp tập huấn kiến thức NTM do cấp tỉnh và Trung ương tổ chức. Trong 11 năm qua, huyện đã chủ trì tổ chức và mời Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh truyền giảng được 12 lớp tập huấn kiến thức cho hơn 500 lượt cán bộ



tham gia, mở 22 lớp tập huấn với hơn 1.230 học viên là Bí thư, Chủ tịch, cán bộ phụ trách NTM các xã, Ban Phát triển các thôn; tổ chức 15 cuộc tham quan cho Ban Chỉ đạo huyện, xã đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh. Trung tâm Chính trị huyện đã lồng ghép đưa chuyên đề xây dựng NTM vào chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho tất cả cán bộ, đảng viên hàng năm ở các xã, thị trấn.

Sau mỗi đợt tập huấn Thường trực Ban Chỉ đạo huyện đã tổ chức cho các học viên đi thăm quan các mô hình xây dựng NTM tại các huyện trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra ở hầu hết các xã cũng đã tự tổ chức cho đội ngũ cán bộ xã, thôn đi thăm quan, học hỏi trao đổi kinh nghiệm ở các xã tiêu biểu trong huyện, trong tỉnh và ngoài tỉnh về tổ chức, chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn để vận dụng vào địa phương mình trong quá trình triển khai thực hiện.

Đến nay cán bộ chủ chốt và cán bộ công chức làm công tác xây dựng NTM từ huyện đến cơ sở đã được đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về xây dựng NTM, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

### **3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM trên địa bàn huyện**

#### **3.1. Về huy động nguồn vốn**

Trong quá trình triển khai Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn, huyện đã quan tâm, chú trọng huy động tối đa nguồn lực để đầu tư xây dựng NTM. Ngoài nguồn lực ngân sách nhà nước các cấp (trực tiếp và lồng ghép), huyện đã chỉ đạo các xã, thôn chủ động vận động các nguồn lực khác, nhất là nguồn lực của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, con em xa quê thành đạt. Tổng nguồn vốn được huy động trong 11 năm để xây dựng NTM trên toàn huyện đạt 9.752,7 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Ngân sách Trung ương: 398,312 tỷ đồng, chiếm 4,08%;
- Ngân sách tỉnh: 317,537 tỷ đồng, chiếm 3,26%;
- Ngân sách huyện: 418,321 tỷ đồng, chiếm 4,29%;
- Ngân sách xã: 912,532 tỷ đồng, chiếm 9,36%;
- Doanh nghiệp, HTX: 224,324 tỷ đồng, chiếm 2,3%;
- Vốn vay các tổ chức tín dụng: 278,278 tỷ đồng, chiếm 2,85%;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án: 326,547 tỷ đồng, chiếm 3,35%;
- Nguồn đầu tư từ nhân dân: 6.876,849 tỷ đồng, chiếm 70,51%, trong đó:
  - + Nhân dân đóng góp: (Tiền mặt 814,209 tỷ đồng, ngày công tương đương 27,43 tỷ đồng): 841,639 tỷ đồng, chiếm 8,63%
  - + Hiến đất, xây dựng nhà cửa, chỉnh trang vườn tạp: 6.035,21 tỷ đồng, chiếm 61,88%

#### **3.2. Về quản lý và sử dụng nguồn vốn**

Việc quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn vốn đầu tư do ngân sách nhà nước cho Chương trình xây dựng NTM là một nội dung quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn. Để đảm bảo quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, HĐND, UBND huyện

đã phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng đối tượng. Ngân sách huyện ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi, đường điện ánh sáng, trường học, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa xã, thôn, đầu tư phát triển sản xuất.

Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển sản xuất, dân sinh như: Công trình kiên cố hóa kênh mương, công trình nước sạch, xử lý rác thải, giao thông, trường học, trạm y tế, sân vận động, nhà văn hóa...

Việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân phục vụ xây dựng NTM được thực hiện theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân thụ hưởng" với sự huy động đúng mức, đảm bảo công khai, dân chủ đã khơi dậy nguồn lực và sự chủ động tham gia của người dân vào việc kiến thiết, xây dựng quê hương. Nhiều xã đã có cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực của nhân dân, động viên con em xa quê thành đạt hỗ trợ kinh phí cùng với vốn lồng ghép các chương trình dự án để xây dựng nhiều công trình phúc lợi ở thôn, xã. Các nguồn vốn được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích, công khai minh bạch.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn các xã đều được huyện thẩm định nguồn vốn đối ứng để đảm bảo hoàn thành dự án, do vậy các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn các xã trong huyện được quản lý xây dựng đảm bảo tiến độ, chất lượng tốt, phát huy hiệu quả đầu tư.

#### **IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NTM CỦA HUYỆN**

##### **1. Số xã đạt chuẩn NTM**

Tổng số xã trên địa bàn huyện: 32 xã; số xã được công nhận đạt chuẩn NTM: 32/32 xã, đạt tỷ lệ 100%, trong đó:

- Có 10 xã được công nhận đạt chuẩn NTM trước năm 2017 theo Bộ tiêu chí quốc gia tại Quyết định 4296/QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Có 22 xã được công nhận đạt chuẩn NTM từ năm 2017 đến nay theo Bộ tiêu chí quốc gia tại Quyết định 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

*(Có danh sách các xã được công nhận đạt chuẩn NTM kèm theo).*

##### **2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng NTM của các xã**

###### **2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức quản lý thực hiện quy hoạch**

\* Giai đoạn 2010-2020:

Đến tháng 6/2012 đã có 35/35 xã đã xây dựng xong quy hoạch và được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Đến tháng 12/2012 đã có 100% số xã được Chủ tịch UBND huyện quyết định phê duyệt đề án xây dựng NTM và ban hành quy chế quản lý theo quy định. Các xã đã công bố, công khai rộng rãi và tiến

hành cấm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt, thực hiện quản lý quy hoạch theo quy chế đã được phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện do có nhiều biến động về phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng đất các xã đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí mới và tình hình thực tế, phù hợp với các quy hoạch của huyện theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kết hợp xây dựng NTM với từng bước đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng, đã nhận được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

\* Giai đoạn 2021-2030:

Thực hiện Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, hiện nay huyện Triệu Sơn có 32 xã và 02 thị trấn, theo Kế hoạch xây dựng NTM huyện Triệu Sơn, toàn huyện có 24 xã phải lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030, 8 xã nằm trong phạm vi quy hoạch đô thị (đã được phê duyệt), 02 thị trấn đã có quy hoạch chung được duyệt; đến nay các xã đã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030, đã công bố công khai đồ án quy hoạch tại tất cả các nhà văn hoá thôn và trụ sở UBND xã, đồng thời UBND huyện đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch cho từng xã. Các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng, quản lý theo quy hoạch được duyệt.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

## **2.2. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội**

### **2.2.1. Về giao thông:**

Tổng chiều dài đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã năm 2010 là 1.817,95 km, trong đó: Đường huyện, đường từ xã đến huyện dài 81,5km; đường xã dài 214,63 km; đường trục thôn, liên thôn dài 457,33 km; đường ngõ, xóm dài 562,38 km và đường trục chính nội đồng dài 502,11 km.

Thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng NTM, hệ thống giao thông nông thôn quy mô nhỏ, tỷ lệ cứng hóa thấp chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại sản xuất, dân sinh cũng như yêu cầu của tiêu chí NTM. Đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa 71,28/214,63 km (đạt 33,21%); đường trục thôn, liên thôn 184,3/457,33 km, đạt 40,3%; đường ngõ, xóm 226,25/562,38 km, đạt 40,23%; đường trục chính giao thông nội đồng 145,97/502,11 km, đạt 29,07%; còn lại chủ yếu là đường cấp phối, đường đất, nhiều tuyến đường bị ngập úng, lầy lội vào mùa mưa; đường trục chính nội đồng chủ yếu là đường đất, nền và mặt đường nhỏ, hẹp.

Sau 11 năm, từ nguồn vốn hỗ trợ khuyến khích phát triển giao thông nông thôn, kích cầu giao thông nội đồng của tỉnh và hỗ trợ xi măng của Chương trình xây dựng NTM, các xã đã huy động nhân dân hiến đất, đóng góp ngày công lao động, cùng với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác với tổng nguồn vốn huy động là 565,27 tỷ đồng (trong đó vốn tỉnh và Trung ương là 92,21 tỷ đồng, vốn huyện 19,72 tỷ đồng, vốn xã 288,21 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 165,14 tỷ đồng) để thực hiện bê tông hóa, nhựa hóa, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp

đường giao thông trong thôn và đường nội đồng. Kết quả đã nâng cấp, xây mới 134,39 km đường xã; 231,68 km đường nội thôn; 274,13 km đường ngõ xóm, 233,78 km đường giao thông nội đồng. Hầu hết các tuyến đường có quy mô chiều rộng nền, mặt đường đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Các xã thường xuyên phát động nhân dân, các tổ chức đoàn thể tham gia phong trào làm vệ sinh môi trường các tuyến đường; vận động nhân dân tháo dỡ vi phạm hành lang an toàn giao thông dưới lòng, lề đường, vỉa hè; phát động nhân dân trồng cây bóng mát, trồng hoa ven đường tạo cảnh quan khu dân cư; công tác duy tu, bảo trì được thực hiện thường xuyên.

Kết quả thực hiện tại 32 xã đến nay:

- Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Có 193,07/193,07 km đường được nhựa hóa, bê tông hóa,  $B_n \geq 6,5m$ ,  $B_m \geq 3,5m$ , đảm bảo ô tô đi lại quanh năm, đạt chuẩn 100%, tăng 66,79% so với năm 2010.

- Đường trục thôn và đường liên thôn: Có 402,2/429,24 km được bê tông hóa,  $B_n \geq 4,0m$ ,  $B_m \geq 3,0m$ , đảm bảo ô tô đi lại quanh năm, đạt chuẩn 93,7%; tăng 53,4% so với năm 2010.

- Đường ngõ, xóm: Có 479,6/520,17 km được bê tông hóa,  $B_n \geq 4,0m$ ,  $B_m \geq 3,0m$ , sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt chuẩn 92,2%; tăng 52% so với năm 2010.

- Đường trục chính nội đồng 370,6/466,46 km được bê tông hóa, cứng hóa,  $B_n \geq 4,0m$ ,  $B_m \geq 3,0m$ , đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm, đạt chuẩn 79,45%, tăng 50,38% so với năm 2010.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

### 2.2.2. Về thủy lợi:

Nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp huyện Triệu Sơn là sông Nhôm, sông Hoàng, 36 hồ chứa, cùng với hệ thống Kênh Nam và kênh C6 thuộc hệ thống kênh Bái Thượng.

Năm 2010, trên địa bàn 35 xã có 589,6 km kênh mương nội đồng, tỷ lệ kiên cố hóa kênh nội đồng mới đạt 34,22 %. Hệ thống tiêu của huyện chủ yếu tiêu qua hệ thống kênh mương đổ ra sông Hoàng, sông Nhôm, một số trạm bơm tiêu công suất nhỏ chỉ để hỗ trợ khi có yêu cầu cấp thiết.

Sau 11 năm xây dựng NTM, huyện đã huy động được 441,5 tỷ đồng từ nguồn vốn của nhà nước và nhân dân, nguồn vốn lồng ghép các chương trình để đầu tư kiên cố, nâng cấp 115 km kênh mương; nâng cấp, sửa chữa 20 hồ và xây dựng mới 5 trạm bơm; nâng cấp, mở rộng thêm 9 máy bơm với tổng công suất 62.000 m<sup>3</sup>/h. Đến nay, trên địa bàn 32 xã có 36 hồ chứa nước; 66 trạm bơm tưới (tổng công suất 54.820 m<sup>3</sup>/h, 16 trạm bơm tiêu (công suất 168.000 m<sup>3</sup>/h) và 986,5 km kênh mương (đã kiên cố hóa được 531,5 km, đạt 53,88% tăng 19,66% so với năm 2010). Trong đó các Hợp tác xã quản lý 27 hồ chứa nước nhỏ, 25 trạm bơm tưới nhỏ, 594,6 km kênh mương nội đồng (đã kiên cố hóa được 359,3 km, đạt tỷ lệ 60,4%); Công ty TNHH MTV Sông Chu quản lý 09 hồ chứa nước lớn và vừa, 15 trạm bơm tiêu, 42 trạm bơm tưới nhỏ, 391,9 km kênh mương (đã

kiên cố 172,2 km, đạt tỷ lệ 44%). Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động tại các xã, cụ thể như sau:

- Về tưới: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động 21.746/23.618 ha, đạt 92,07%.

- Về tiêu: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động 20.194/21.449 ha, đạt 94,15%.

- Về nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước chủ động 614,08/614,08 ha, đạt 100%

*(Chi tiết theo Phụ biểu 05).*

Hệ thống đê sông trải dài ở các xã với tổng chiều dài là 75,04 km đê cấp IV (trong đó, đê Tả sông Nhôm dài 17,72 km, đê Hữu sông Nhôm dài 19,81 km, đê tả sông Hoàng dài 15,7 km, đê hữu sông Hoàng dài 21,81 km); có 19 kè với tổng chiều dài 5,136 km và 75 cống qua đê (trong đó có 16 cống tiêu lớn). Các tuyến đê thường xuyên được kiểm tra, phát quang cây cối để phát hiện các sự cố có thể xảy ra để xử lý ngay giờ đầu, tổ chức giải tỏa các bãi tập kết vật liệu trên đê, vật liệu xây dựng, vệ sinh môi trường trên hành lang mái đê đảm bảo yêu cầu chống lũ. Từ năm 2011 - 2021, trên địa bàn huyện đã nâng cấp, sửa chữa hoàn thiện được 32,1 km đê địa phương, làm mới 3,27 km kè và 22 cống qua đê với tổng kinh phí thực hiện trên 500 tỷ đồng.

Trước những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, để chủ động trong việc phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, huyện đã chỉ đạo các xã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự do Chủ tịch UBND làm trưởng ban; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Hàng năm các xã xây dựng Phương án PCTT, TKCN và Phòng thủ dân sự theo các giai đoạn và theo từng năm, phương án di dời dân, huy động lực lượng, vật tư dự trữ, phương tiện, theo phương châm "4 tại chỗ".

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

### *2.2.3. Về điện nông thôn:*

Năm 2010 trên địa bàn 35 xã có 199 trạm biến áp, công suất 52.160 KVA, đường dây hạ áp dài 956,69 km, hệ thống trạm biến áp và đường dây chưa đảm bảo đặc biệt một số xã khu vực miền núi như: Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành.

Đến nay, 100% xã trong huyện “đạt Tiêu chí số 4 về điện” theo Hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

- Về nguồn cấp: 32 xã có 362 trạm biến áp phụ tải với tổng công suất 91.860 KVA cấp điện cho 50.596/50.596 hộ dân đáp ứng được yêu cầu sử dụng điện của người dân trong sản xuất và sinh hoạt, đạt 100%.

- Điện hạ áp: 32 xã có 1.089,49 km đường dây hạ áp, trong đó: chiều dài đường trục chính 3 pha: 853,49 km; chiều dài đường nhánh 1 pha: 236 km đảm bảo về kết cấu, an toàn, vận hành theo quy định tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### 2.2.4. Về trường học:

Năm 2010 các xã xây dựng NTM có 27/109 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 24,77%, trong đó: Mầm non có 03/35 trường, đạt tỷ lệ 8,57%; Tiểu học có 17/38 trường, đạt tỷ lệ 44,74%; Trung học cơ sở có 07/36 trường, đạt tỷ lệ 19,44%.

Giai đoạn 2010-2021, UBND huyện chỉ đạo các xã và trường học tập trung huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng nâng cấp, mua sắm trang thiết bị dạy học, 100% các trường có trang Website, kết nối internet, khu sân chơi, bãi tập có cây bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Sau 11 năm xây dựng NTM, từ nhiều nguồn vốn của tỉnh, huyện, xã đã đầu tư trên 200 tỷ đồng để sửa chữa, nâng cấp, xây mới 60 công trình trường học với 336 phòng học và 35 nhà hiệu bộ, chỉnh trang khuôn viên các nhà trường.

Đến năm 2021, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia của huyện là 96,29%, cao hơn bình quân chung của tỉnh là 17,6%; trong đó khu vực nông thôn có 90/90 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 100% (Mầm non 32/32, Tiểu học 26/26, Trung học cơ sở 26/26, Tiểu học và Trung học cơ sở 6/6), tăng 75,23% so với năm 2010. (Chi tiết phụ lục số số 06 kèm theo).

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### 2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa:

Trước khi sáp nhập huyện Triệu Sơn có 35/35 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao với diện tích, quy mô xây dựng đạt chuẩn. Thực hiện Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, huyện Triệu Sơn sau khi sáp nhập đến nay có 32/32 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn.

Từ năm 2010 đến nay có 29 Hội trường Nhà Văn hóa đa năng xã được đầu tư xây dựng mới và 03 được cải tạo đạt chuẩn theo quy định: Hội trường Nhà Văn hóa xã từ 200 đến 350 chỗ ngồi, được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ, loa đài, âm thanh, ánh sáng; có các phòng chức năng gồm: Phòng hành chính; phòng đọc sách, báo, thư viện; phòng thông tin truyền thanh; phòng sinh hoạt chung của các câu lạc bộ. Sau khi Hội trường Nhà Văn hóa đa năng, Trung tâm Văn hóa - Thể thao của các xã được đầu tư đưa vào sử dụng, đã đáp ứng phục vụ tổ chức tốt nhiều sự kiện quan trọng của xã như: Đại hội Đảng bộ, tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân các sự kiện chính trị trọng đại, tổ chức các hoạt động truyền thông, hoạt động vui chơi, giải trí; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cũng là địa điểm thuận lợi cho tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao cấp cụm, hoạt động phong trào của các tổ chức đoàn thể nhận dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, đặc biệt đã đáp ứng tổ chức tốt nhiều hoạt động văn hóa cấp cụm như: Hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Hội thi kể chuyện uống nước nhớ nguồn, Hội diễn văn nghệ quần chúng cấp huyện (vòng cụm), giao lưu đồng bào công giáo với phong trào xây dựng Nông thôn mới...

32/32 xã có Khu Thể thao diện tích từ 2.000m<sup>2</sup> trở lên, với sân bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, sân cầu lông, bóng bàn, sân tập dưỡng sinh và đi bộ cho người cao tuổi, khu vực vui chơi giải trí cho trẻ em...; 32 sân vận động

của các xã đều đạt diện tích trên 10.800m<sup>2</sup>, có đường pitch, đảm bảo tổ chức Đại hội thể dục - thể thao, các hoạt động thể thao hàng ngày của nhân dân như: Bóng đá, kéo co, chạy bộ, chạy Việt dã...

Trước khi sáp nhập thôn, khu vực nông thôn của huyện có 377/377 thôn có Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn đảm bảo điều kiện theo quy định. Sau khi sáp nhập thôn theo Quyết định số 3110/2018/QĐ- UBND ngày 17/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, huyện Triệu Sơn hiện nay có 229/229 Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn của 32/32 xã đạt chuẩn theo quy định. Quy mô các Nhà Văn hóa thôn được xây dựng với diện tích trên 500m<sup>2</sup> với từ 120 - 150 chỗ ngồi, sân khấu trên 30m<sup>2</sup>, với đầy đủ các thiết chế và trang thiết bị: loa đài, tủ sách, bàn ghế, phong màn, tượng Bác, bục nói chuyện..., đạt tỷ lệ 100%; 229/229 Khu Thể thao thôn đạt chuẩn và đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao phổ thông đảm bảo phục vụ nhu cầu tổ chức hoạt động của người dân, 100% các Khu Thể thao thôn đạt chuẩn.

Hiện nay trên địa bàn các xã có 32 sân vận động, 32 sân bóng đá mi ni, 125 sân bóng đá tại các thôn, 254 sân Bóng chuyền da, 254 sân Bóng chuyền hơi, 218 sân Cầu lông, 275 bàn Bóng bàn, 15 sân Bóng rổ, 229 sân chơi, bãi tập. Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn đã đáp ứng tốt nhu cầu các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và vui chơi giải trí của nhân dân trong thôn, cũng như tổ chức thường xuyên các hoạt động của các loại hình Câu lạc bộ tại thôn như: CLB Thơ, CLB Văn nghệ truyền thống, CLB dưỡng sinh. Hệ thống thiết chế Nhà Văn hóa thôn được quan tâm đầu tư đã góp phần lưu giữ được nhiều vốn văn hóa truyền thống của dân tộc trên địa bàn huyện, tiêu biểu như: Câu lạc bộ "Gia đình Văn hóa", Câu lạc bộ "Gia đình phát triển bền vững", Câu lạc bộ "Liên thế hệ", Câu lạc bộ "Văn nghệ truyền thống" của các xã Dân Quyền, xã Dân Lực, xã Xuân Thịnh, xã Minh Sơn, xã Bình Sơn... Phòng đọc sách báo tại các Nhà Văn hóa thôn đã duy trì hoạt động thường xuyên, với hệ thống sách, báo luôn được luân chuyển mỗi năm từ 160 - 210 đầu sách, báo từ cấp huyện về địa phương đến các thôn, nên đã thu hút nhiều bạn đọc tham gia.

Các xã trên địa bàn toàn huyện đã triển khai Kế hoạch phòng, chống đuối nước cho trẻ em đến tận các thôn và tham gia các lớp tập huấn phòng, chống đuối nước do huyện tổ chức. Lập kế hoạch xây dựng bể bơi phục vụ phòng, chống đuối nước vào những năm tiếp theo.

Quá trình triển khai thực hiện, từ năm 2010 - 2021 kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ xây dựng hoàn thiện thiết chế văn hóa, xây dựng mới Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và hoạt động văn hóa, thể thao cấp xã là: 175,635 tỷ đồng; trong đó, gồm:

- Kinh phí từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao cấp xã: 12,320 tỷ đồng (bình quân 35 triệu đồng/xã/năm).

- Kinh phí hỗ trợ xây dựng hoàn thiện thiết chế văn hóa, xây dựng mới Nhà Văn hóa thôn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: 163,315 tỷ đồng; (Trong đó, kinh phí từ nguồn vốn Trung ương, tỉnh và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách

huyện, xã: 105,560 tỷ đồng; kinh phí huy động nhân dân tự nguyện đóng góp là 57,755 tỷ đồng)

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### *2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:*

Huyện Triệu Sơn có 17 chợ (01 chợ hạng I và 16 chợ hạng III; trong đó, khu vực nông thôn có 15 chợ) nằm trong quy hoạch hệ thống chợ của tỉnh (tại Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 26/11/2016 của UBND tỉnh) các chợ hầu hết đều là chợ dân sinh được hình thành từ xa xưa, cơ sở vật chất của nhiều chợ đã xuống cấp, không đáp ứng độ an toàn và nhu cầu buôn bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân.

Để hoàn thành tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, các xã đã tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các chợ từ nguồn vốn ngân sách và vốn của doanh nghiệp với tổng kinh phí 37,5 tỷ đồng, đồng thời chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ. Có 15/32 xã đăng ký và thực hiện xây dựng tiêu chí chợ, trong đó có 01 chợ đã chuyển đổi mô hình quản lý từ UBND xã sang doanh nghiệp, số chợ còn lại đã được cải tạo, nâng cấp và đang trong lộ trình chuyển đổi. Các chợ nông thôn trên địa bàn được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, đảm bảo đạt tiêu chí chợ hạng 3 theo quy định, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, góp phần lưu thông hàng hóa, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và giữ gìn nét đẹp của phiên chợ vùng nông thôn; các chợ trên địa bàn đều có Ban quản lý chợ, nội quy theo quy định. Các mặt hàng kinh doanh thuộc danh mục cho phép của pháp luật, các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua. Chợ có cân đối chứng, đầy đủ hệ thống điện, nước sạch, rãnh thoát nước, bãi gửi xe, rác thải được thu gom hàng ngày; đến thời điểm hiện tại đã có 5/15 chợ được đánh giá chợ đạt tiêu chí an toàn thực phẩm theo TCVN 11856:2017 và 07/15 được Sở Công Thương Thanh Hóa công nhận đạt chợ kinh doanh thực phẩm đối với chợ tạm; còn lại 17 xã tiến hành xây dựng các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đảm bảo lưu thông và cung ứng hàng hóa phục vụ nhân dân đạt chuẩn theo quy định.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### *2.2.7. Về thông tin và truyền thông:*

- Về điểm phục vụ bưu chính xã: Huyện có 32/32 xã có điểm phục vụ bưu chính theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về diện tích, bán kính phục vụ; thực hiện niêm yết thời gian phục vụ, niêm yết các bản nội quy sử dụng và treo biển hiệu theo quy định; đáp ứng tiêu chuẩn về mặt bằng, trang thiết bị phục vụ và cung ứng các dịch vụ bưu chính theo quy định của ngành.

- Dịch vụ viễn thông, internet: 32/32 xã có hạ tầng mạng viễn thông cố định mặt đất, di động mặt đất với công nghệ băng rộng di động tiên tiến 3G, 4G, sẵn sàng cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông, Internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông đến 100% các thôn trên địa bàn xã; đã đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Đài truyền thanh và hệ thống loa đến thôn: 32/32 xã có hệ thống Đài Truyền thanh đang hoạt động; 100% thôn có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài Truyền thanh xã hoạt động ổn định, phục vụ tốt công tác thông tin,



tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cộng đồng dân cư trong xã. Đã ban hành các văn bản quy định, quy chế hoạt động của Đài theo đúng quy định; Hoạt động của Đài Truyền thanh xã tuân thủ theo Quyết định số 1895/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: 32/32 xã có tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công việc trên 80%; có và duy trì hoạt động các Trang thông tin điện tử của địa phương theo quy định; triển khai, ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc trong điều hành, xử lý công việc; có ứng dụng phần mềm Theo dõi thực hiện nhiệm vụ; có ứng dụng CNTT để hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo quy định. 100% các xã, thị trấn và các phòng, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức lắp đặt và đưa vào hoạt động hệ thống Hội nghị trực tuyến đảm bảo thông suốt từ UBND huyện đến các xã, thị trấn.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### *2.2.8. Về nhà ở dân cư:*

Năm 2010 trên địa bàn 35 xã còn 232 nhà tạm dột nát, tỷ lệ nhà ở đảm bảo tiêu chí theo quy định của Bộ xây dựng 42.521/51.090 hộ, đạt 83,23%. Giai đoạn 2010- 2021, các hộ gia đình đã đầu tư xây dựng mới và chỉnh trang 37.532 căn nhà đảm bảo an toàn, bền vững, mỹ quan, phù hợp với điều kiện tự nhiên. Ngoài ra, từ các nguồn hỗ trợ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, ngân sách huyện, quỹ đền ơn, đáp nghĩa, các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh đã xây dựng được 26 căn nhà tình nghĩa, với tổng số tiền 896 triệu đồng.

Đến nay trên địa bàn 32 xã không còn hộ gia đình ở nhà tạm, nhà dột nát. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng là 48.866/50.596 hộ, đạt 96,58% tăng 13,35% so với năm 2010. Nhà đảm bảo “3 cứng”, diện tích nhà ở bình quân đạt từ 21 m<sup>2</sup>/người trở lên, niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên, nhà có đầy đủ các công trình phụ trợ và kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của địa phương (*Chi tiết theo phụ biểu số 07*).

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

### ***2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo nhanh và bền vững***

Đây là một trong những nội dung chủ yếu, quan trọng nhất của Chương trình xây dựng NTM, yếu tố quyết định sự phát triển bền vững, lâu dài của huyện.

Huyện đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân; Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hằng năm toàn huyện giai đoạn 2010-2021 đạt 14,67%, cao hơn giai đoạn 2006-2010 là 4,15 điểm phần trăm; tổng giá trị sản xuất toàn huyện năm 2020 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 17.581,5 tỷ đồng, gấp 3,93 lần năm 2010. Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 còn 14,2%, (giảm 19% so với năm 2010); ngành công nghiệp - xây dựng năm 2020 đạt 50,5% (tăng 14,2% so với năm 2010); ngành dịch vụ- thương mại đạt 35,3% (tăng 4,8% so với năm 2010). Giá trị sản phẩm thu được trên một ha đất trồng

trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 124,3 triệu đồng, gấp 1,48 lần năm 2010. Thu nhập bình quân đầu người toàn huyện năm 2021 đạt 47,73 triệu đồng, gấp 3,62 lần năm 2010, trong đó: Khu vực nông thôn đạt 47,27 triệu đồng, gấp 3,72 lần năm 2010, từng bước rút ngắn khoảng cách về thu nhập giữa thành thị và nông thôn; chênh lệch thu nhập bình quân trên tháng giữa thành thị và nông thôn năm 2021 là 1,1 lần (giảm 0,2 lần so với năm 2010).

### *2.3.1. Về sản xuất nông nghiệp:*

#### *- Về trồng trọt:*

Sản xuất nông lâm thủy sản phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp là phương châm của huyện. Trong những năm qua huyện đã thực hiện tốt công tác đổi điền, dồn thửa; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa các loại giống có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Khai thác lợi thế của từng vùng để sản xuất hàng hóa tập trung, hình thành và phát triển các chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. Trồng trọt đã chuyển dịch theo hướng chuyển trọng tâm sản xuất từ sản lượng sang chất lượng, hiệu quả; sản lượng lương thực bình quân năm giai đoạn 2010-2021 đạt 129,36 ngàn tấn. Huyện đã tập trung đẩy mạnh việc tích tụ ruộng đất, chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Từ năm 2016 đến nay toàn huyện đã chuyển đổi được 2.760 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản (trong đó tại 32 xã là 2.648,9 ha); từ năm 2019 đến nay huyện đã tích tụ, tập trung được 1.051 ha đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (trong đó tại 32 xã là 923 ha). Giá trị sản phẩm thu được trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 124,3 triệu đồng, gấp 1,48 lần năm 2010.

#### *- Về chăn nuôi:*

Ngành chăn nuôi đã chuyển mạnh từ chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, gia trại và sản xuất hàng hóa. Công tác quản lý dịch bệnh được huyện đặc biệt quan tâm, được các ngành chuyên môn của tỉnh đánh giá cao về công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Trên địa bàn 32 xã hiện có 209 trang trại, gia trại trong đó 07 trang trại đạt chuẩn tiêu chí theo Thông tư số 02/TT-BNN&PTNT của Bộ nông nghiệp và PTNT; tổng vốn đầu tư của các trang trại, gia trại bình quân từ 2,5-5 tỷ đồng; thu nhập bình quân mỗi trang trại đạt từ 500-700 triệu đồng/năm và đã giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 700 lao động, với mức thu nhập bình quân từ 6-8 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, có 15.036 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ (với quy mô đàn dao động từ 2-25 đầu gia súc hoặc 5-50 đầu gia cầm, thủy cầm). Đối với 32 xã, hằng năm đàn lợn duy trì từ 60.000-63.000 con, đàn trâu bò duy trì từ 12.000-13.000 con, đàn gia cầm từ 900.000-1.000.000 con; trong năm 2019, 2020, do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi, số lượng đàn lợn ở các trang trại, gia trại đã giảm nhiều so với các năm trước. Mỗi năm các xã cung cấp sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 14.000 tấn và trên 15 triệu quả trứng gia cầm, đáp ứng nhu cầu thực phẩm của nhân dân và cung cấp cho thị trường.

*- Về lâm nghiệp:*

Tổng diện tích rừng toàn huyện 4.521,83 ha (rừng phòng hộ 1.240,85 ha, rừng sản xuất 3.280,98 ha), gồm 15 xã và thị trấn Nưa. Trong đó diện tích rừng của 15 xã 3.790,79 ha. Trên địa bàn huyện có 6 doanh nghiệp chế biến lâm sản, giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2020 đạt 36.576 triệu đồng (năm 2021 ước đạt 36.786 triệu đồng). Hiện nay, các xã trên địa bàn huyện có 83 cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp (ở 3 xã: Minh Sơn, Hợp Thắng, Hợp Tiến) đáp ứng đủ nhu cầu cây giống phục vụ trồng rừng của huyện và cung ứng cho các huyện trên địa bàn tỉnh, cung cấp giống keo lai mô, lai hom và keo Úc vào trồng thâm canh, nâng cao trữ lượng gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến cho trên 80% diện tích rừng trồng trên địa bàn huyện. Do làm tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng nên trong những năm qua không để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái pháp luật, an ninh rừng được giữ vững, diện tích rừng sản xuất đã mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cho người dân.

*- Về thủy sản:*

Nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện nhưng có đóng góp trong việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Huyện tập trung chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả diện tích nuôi trồng thủy sản, ngoài nuôi trồng các loại cá nước ngọt, đã mở rộng diện tích con nuôi đặc sản như: Ốc, ếch, lươn, chạch,... Năm 2021, tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tại 32 xã đạt 614,08 ha (giá trị thu được trên 1 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 161,7 triệu đồng (*cao hơn 37,2 triệu đồng so với trồng trọt*), tăng 46,4 triệu đồng/ha so với năm 2010. Sản lượng thủy sản năm 2021 ước đạt 1.817 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 1.787 tấn. Giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2021 ước đạt 68,1 tỷ đồng.

*- Về phát triển hợp tác xã:*

Hiện nay toàn huyện có 41 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, các HTX đang hoạt động theo Luật HTX năm 2012 (trong đó khu vực nông thôn có 39 HTX dịch vụ nông nghiệp). Tổng số thành viên HTX là 1.580 người, trung bình 40,5 thành viên/HTX, doanh thu bình quân của 1 HTX đạt 1.079 triệu đồng/ HTX, lợi nhuận bình quân đạt 144 triệu đồng/HTX, thu nhập bình quân của người lao động làm việc thường xuyên trong HTX là 4,5 triệu đồng/người/tháng.

Các HTX trên địa bàn huyện đã tổ chức thực hiện được các khâu dịch vụ đáp ứng cho nhu cầu của thành viên HTX và cộng đồng dân cư tại địa phương như: Dịch vụ làm đất, dịch vụ cung ứng mạ khay, cấy máy, cung ứng giống vật tư, dịch vụ thu hoạch lúa, dịch vụ liên kết bao tiêu sản phẩm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, làm đất, tu sửa và làm mới kênh mương nội đồng, đầu tư mua máy cấy, mạ khay để áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất. Hoạt động của các HTX nông nghiệp đã gắn với sản xuất các sản phẩm chủ lực của vùng, thực hiện liên kết chuỗi, mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho thành viên HTX, tham gia ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm các cây trồng hàng hóa có giá trị kinh tế cao.

Kết quả đánh giá phân loại HTX nông nghiệp toàn huyện (41 HTX): có 27 HTX hoạt động tốt (chiếm 67,5%); 13 HTX hoạt động khá (chiếm 32,5%); 01 HTX mới thành lập nên chưa đủ điều kiện đánh giá xếp loại.

Tại 32 xã: Có 39 HTX dịch vụ nông nghiệp, trong đó có 27 HTX hoạt động tốt, chiếm 71,1%; hoạt động khá 11 HTX, chiếm 28,9%; 01 HTX mới thành lập chưa đánh giá, không còn HTX loại trung bình và yếu.

Một số HTX hoạt động có hiệu quả thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững: HTX DV nông nghiệp Đồng Thắng, HTX DV nông nghiệp Đồng Tiến, HTX DV nông nghiệp Thọ Phú, HTX DV Nông lâm nghiệp Bình Sơn, Hợp tác xã SX và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp an toàn Tiến Nông..., trong đó HTX DV Nông lâm nghiệp Bình Sơn đã có 4 sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao.

Tổng diện tích cây trồng liên kết bao tiêu sản phẩm giai đoạn 2010-2021 là 5.006,6 ha, tổng giá trị liên kết đạt 537 tỷ đồng, trong đó, cây trồng được liên kết, bao tiêu chủ yếu là cây lúa. Đến nay, sản lượng lúa được liên kết, bao tiêu sản phẩm đạt 20.000 tấn chiếm 18,18% sản lượng lúa trên địa bàn.

Các mô hình liên kết giữa hộ dân với HTX và doanh nghiệp từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao, hiện nay toàn huyện có 106 chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, gồm: 32 chuỗi lúa gạo; 29 chuỗi rau, củ, quả; 24 chuỗi thịt gia súc; 21 chuỗi thủy sản tươi sống. Trong đó trên địa bàn 32 xã có 97 chuỗi gồm 31 chuỗi lúa gạo; 28 chuỗi rau, củ, quả; 21 chuỗi thịt gia súc; 17 chuỗi thủy sản tươi sống.

Diện tích cây trồng liên kết bao tiêu sản phẩm tại các xã giai đoạn 2010-2021 đạt 5.006,6 ha, tổng giá trị liên kết đạt 537 tỷ đồng, trong đó: liên kết sản xuất lúa 3.260,6 ha, sản xuất chè 300 ha, ngô 816 ha, trồng ớt xuất khẩu tại các xã Khuyến Nông, Tiến Nông, Thọ Vực, Thọ Phú 250 ha, giá trị thu nhập đạt 150- 200 triệu đồng/ha (cao gấp 4 lần so với trồng lúa); trồng rau màu các loại tại các xã: Tiến Nông, Dân Lý với diện tích 50 ha, giá trị thu nhập đạt 280 triệu đồng/ha; trồng cây ăn quả với diện tích 50 ha ở các xã Thọ Tân, Hợp Lý, cho thu nhập 170 triệu đồng/ha; mô hình cá - lúa tại các xã: Xuân Thọ, Thọ Ngọc với diện tích 80 ha, cho thu nhập 120- 150 triệu đồng/ha; trồng hoa cây cảnh trên đất lúa tại các xã: Hợp Lý, Vân Sơn, Thọ Tân, Thọ Dân, Hợp Tiến với diện tích 200 ha, giá trị thu nhập đạt 300 triệu đồng/ha.

#### *- Về phát triển sản phẩm OCOP:*

Huyện đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 627/KH-UBND ngày 18/3/2020 về việc thực hiện “Chương trình mỗi xã một sản phẩm huyện Triệu Sơn” năm 2020; ban hành Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 về việc ban hành Đề án “Phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025”. Đến nay huyện có 6 sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao cấp tỉnh gồm: Chè sạch Bình Sơn, Trà xanh túi lọc Bình Sơn, Trà cà gai leo túi lọc Bình Sơn, Mật ong bốn mùa hoa rừng nguyên chất, Viên nang sâm báo Triso, Siro bổ dưỡng sâm báo Triso và 2 sản phẩm đang trình Hội đồng thẩm định sản phẩm OCOP cấp tỉnh công nhận: Muối sấy Ánh Vân, muối bột canh Ánh Vân.

UBND huyện chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình OCOP; dự kiến đến hết năm 2021 toàn huyện có 10 sản phẩm OCOP đạt 3 sao cấp tỉnh, gồm 6 sản phẩm đã được công nhận và 4 sản phẩm dự kiến công nhận tiếp ( Muối sấy Ánh Vân, muối bột canh Ánh Vân, tinh bột nghệ Hùng Na, tinh bột sắn dây Hùng Na) (*Chi tiết tại phụ biểu số 8A, 8B*).

*2.3.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản có bước phát triển liên tục với tốc độ khá:*

Được xác định là ngành kinh tế quan trọng, chủ đạo của huyện với tốc độ tăng trưởng cao đóng góp lớn cho ngân sách, chiếm tỷ trọng giá trị lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện.

Năm 2010, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng trên địa bàn huyện và các xã chưa phát triển, một số làng nghề và nghề truyền thống phát triển chậm, giá trị xây dựng chủ yếu từ ngân sách, xây dựng khối doanh nghiệp và dân cư thấp, số doanh nghiệp hoạt động và hộ có đăng ký kinh doanh còn thấp, tỷ trọng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của huyện chỉ chiếm 36,3%.

Sau 11 năm xây dựng NTM, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng của huyện đã có bước phát triển mạnh mẽ trở thành ngành chủ lực tạo ra giá trị sản xuất, giải quyết nhiều việc làm góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM. Năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt 9.005 tỷ đồng, chiếm 50,5% tổng giá trị sản xuất toàn huyện, gấp 5,42 lần năm 2010 (năm 2021 ước đạt 10.823 tỷ đồng).

Trên địa bàn huyện Triệu Sơn được UBND tỉnh đưa vào quy hoạch 05 cụm công nghiệp (CCN), tăng 03 cụm so với năm 2010. Có 4 CCN gồm: CCN Dân Lý- Dân Lực- Dân Quyền quy mô 50 ha; CCN Hợp Thắng quy mô 70 ha; CCN Nưa quy mô 20 ha; CCN Đồng Thắng quy mô 5,5 ha; riêng CCN Đồng Thắng II quy mô 70 ha được bổ sung vào quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025. Trong 5 cụm công nghiệp được quy hoạch có 02 CCN đã được UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập, gồm: CCN Hợp Thắng quy mô 70 ha, tổng mức đầu tư khoảng 525 tỷ đồng, được thành lập tại Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; CCN liên xã Dân Lực- Dân Lý- Dân Quyền quy mô 50 ha, tổng mức đầu tư khoảng 280 tỷ đồng, được thành lập tại Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay các Chủ đầu tư đang khẩn trương hoàn thành hồ sơ, thủ tục thực hiện giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên, sớm đưa dự án đi vào hoạt động. Ngoài 5 CCN trên, các xã, thị trấn đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất (may mặc, vật liệu xây dựng...).

Công tác thu hút dự án đầu tư sản xuất có quy mô lớn vào địa bàn được chú trọng quan tâm để từ đó các cấp, các ngành từ huyện đến xã, thị trấn triển khai các giải pháp thực hiện nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án, như tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư

hoàn thành sớm công tác giải phóng mặt bằng, song song với lợi ích hài hòa giữa người dân và doanh nghiệp, góp phần đẩy nhanh tiến độ cho nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục giao đất, thuê đất, sớm đầu tư xây dựng đưa dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đến nay, toàn huyện có 493 doanh nghiệp, tăng 277 doanh nghiệp so với năm 2010 (trong đó có 06 doanh nghiệp FDI), số doanh nghiệp trên một vạn dân đạt 24,2 doanh nghiệp, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho trên 15.000 lao động, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp may mặc, da dày, xây dựng, vận tải hành khách, chế biến lâm,... nhiều dự án sản xuất có quy mô, công suất lớn, sử dụng nhiều lao động như: Nhà máy may xuất khẩu Ivory Thọ Vực quy mô 6 ha với 2.000 công nhân, Nhà máy may xuất khẩu Sumec Vân Sơn quy mô 3,6 ha với 600 công nhân, Nhà máy giày ADIANA Thọ Dân quy mô 6 ha với 5.400 công nhân, Nhà máy sản xuất, gia công giày Roll Sport Thị trấn Triệu Sơn quy mô 0,83 ha với 1.500 công nhân... đảm bảo thu nhập bình quân cho người lao động từ 7-12 triệu đồng/người /tháng.

Do làm tốt công tác thu hút đầu tư, kinh tế phát triển, huy động tốt nguồn lực xây dựng NTM nên giá trị ngành xây dựng luôn có tốc độ tăng trưởng cao, đã có chuyển dịch lớn trong cơ cấu xây dựng chủ yếu từ ngân sách nhà nước sang khối doanh nghiệp và khu vực dân cư.

Các xã đã khôi phục, phát triển các làng nghề, nghề truyền thống, du nhập, nhân cấy nghề mới, đến nay đã thu hút và tạo việc làm cho trên 3.220 lao động, thu nhập bình quân trên 60 triệu đồng/người/năm; huyện đã có 06 làng nghề và 1 làng nghề truyền thống được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận: Làng nghề chổi đót Thọ Sơn, làng nghề nón lá Xuân Lộc, Làng nghề chế tác đá Đồng Thắng, 4 làng nghề hoa cây cảnh xã Hợp Lý, cụ thể:

- Làng nghề làm chổi đót tại xã Thọ Sơn (Làng Tiên, xã Thọ Sơn): Hình thành tại xã miền núi của huyện đến nay giá trị sản xuất hàng năm đạt 30.000 triệu đồng, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 720 lao động, thu nhập bình quân đạt 47,5 triệu đồng/người/năm.

- Làng nghề làm nón lá xã Xuân Lộc (Làng Thành Tiên, xã Xuân lộc): Hàng năm tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 350 lao động với mức thu nhập bình quân đạt 48 triệu đồng/người/năm; giá trị sản xuất năm 2021 ước đạt 15.500 triệu đồng.

- Làng nghề truyền thống chế tác đá xã Đồng Thắng (làng Đại Đồng 3, xã Đồng Thắng): Tận dụng nguồn nguyên liệu ngay tại địa phương, hàng năm làng nghề đã tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 150 lao động, trong đó lao động chuyên gia, tay nghề cao 45 lao động. Thu nhập bình quân đạt 62 triệu đồng/người/năm.

- Làng nghề gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh (làng Di Thành, làng Đông Thành, làng Bắc Thành, làng Quang Thắng xã Hợp Lý): Với nhu cầu thị trường về các sản phẩm hoa cây cảnh rất lớn nên các làng nghề sản xuất hoa cây cảnh hiện nay đang được phát triển mạnh và mở rộng, hàng năm tạo công ăn việc làm cho trên 2.000 lao động địa phương, mức thu nhập bình quân đạt từ 70 - 80 triệu đồng/người/năm

2.3.3. *Ngành dịch vụ, thương mại đạt tốc độ tăng trưởng khá:*

Thương mại, dịch vụ thời gian qua tiếp tục phát triển mạnh, góp phần quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về hàng hóa và thúc đẩy kinh tế phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2021 ước đạt 6.457 tỷ đồng, gấp 4,73 lần năm 2010, giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2021 ước đạt 32 triệu USD, gấp 10 lần năm 2010 (chủ yếu là sản phẩm giày da, may mặc, ván ép...). Các hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm chỉ đạo, huyện thường xuyên tổ chức hội chợ giới thiệu sản phẩm và tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại ở trong và ngoài tỉnh để quảng bá giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp của địa phương. Trong những năm qua, dịch vụ phát triển với tốc độ cao, đã hình thành nhiều siêu thị, cửa hàng thương mại với quy mô lớn đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng của người dân.

Trên địa bàn các xã hiện nay có 22 cửa hàng xăng dầu loại III, IV, trên 335 cửa hàng tổng hợp, có 15 chợ đang hoạt động đáp ứng lưu thông hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp.

Là huyện có tiềm năng và lợi thế trong phát triển du lịch, từ năm 2010 đến nay khu du lịch tâm linh Đền Nưa - Am Tiên đã thu hút nguồn vốn đầu tư gần 100 tỷ đồng để đầu tư hạ tầng. Việc kết nối du lịch tâm linh với các khu du lịch sinh thái trên địa bàn huyện đã và đang được triển khai có hiệu quả như: Vườn cò, xã Tiên Nông; Làng hoa cây cảnh, xã Hợp Lý; Đồi chè, xã Bình Sơn,... số lượng du khách đến tham quan ngày một tăng, năm 2020 đã đón được trên 35.000 lượt khách, doanh thu từ các hoạt động du lịch trên đạt từ 10-15 tỷ đồng/năm, góp phần giải quyết việc làm cho hơn 800 lao động với thu nhập bình quân từ 65-80 triệu đồng/người/năm.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### *2.3.4. Thu nhập, lao động, việc làm:*

Những năm qua, kinh tế trong huyện, trong tỉnh phát triển nhanh, với số lượng lớn đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài và tham gia làm công nhân tại các nhà máy công nghiệp; các ngành xây dựng, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp phát triển nên thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện năm 2021 đạt 47,73 triệu đồng/người/năm, gấp 3,62 lần năm 2010; khu vực nông thôn đạt 47,27 triệu đồng/người/năm, gấp 3,72 lần năm 2010 (*Chi tiết phụ biểu số 9*).

Thu nhập bình quân toàn huyện cao hơn so với thu nhập bình quân toàn tỉnh 2,33 triệu đồng và cao hơn so với các huyện lân cận như: Cao hơn 1,23 triệu đồng/người/năm so với huyện Nông Cống và Thiệu Hóa; cao hơn 3,63 triệu đồng/người/năm so với huyện Hà Trung.

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm liên tục qua các năm, từ 56,7% năm 2010 xuống còn 27,5% năm 2020, năm 2021 dự kiến còn 26,5%.

Giai đoạn 2010-2021, trung bình mỗi năm huyện đã giải quyết việc làm mới cho trên 3.500 lao động. Tính đến 30/9/2021 số lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn toàn huyện 122.590 lao động/126.574 người có khả năng tham gia lao động, tỷ lệ đạt 96,85%. Trong đó khu vực nông thôn là 107.998/111.612 lao động, đạt 96,76%, tăng 3,66 % so với năm 2010.

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo trên địa bàn toàn huyện là 92.095/122.590 lao động có việc làm đạt 75,12%. Trong đó khu vực nông thôn là 80.533/107.998 lao động, đạt 74,57%, tăng 35,59% so với năm 2010 (*Chi tiết phụ biểu số 10A, 10B*).

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

### **2.3.5. Giảm nghèo nhanh và bền vững:**

Huyện đã thực hiện phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, đời sống người dân; thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo. Các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, người nghèo được tiếp cận tốt hơn, các dịch vụ xã hội cơ bản, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm qua các năm, đến nay, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện đạt 0,92% (530/57.487 hộ), trong đó khu vực nông thôn là 0,98% (495/50.596 hộ). Tỷ lệ hộ nghèo NTM của toàn huyện đến nay đạt 0,5%, trong đó khu vực nông thôn đạt 0,51%. (*Chi tiết theo phụ biểu số 11*).

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện thấp hơn 1,08% so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung toàn tỉnh và một số huyện trong khu vực như: thấp hơn 0,34% so với huyện Nông Cống, thấp hơn 0,32% so với huyện Thiệu Hóa.

Để đạt được kết quả trên, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã chú trọng đến công tác giảm nghèo, hỗ trợ các hộ nghèo phát triển sản xuất, tạo việc làm nâng cao thu nhập. Triển khai thực hiện đồng bộ các Chương trình MTQG về giảm nghèo, như chương trình nhân rộng mô hình giảm nghèo đã hỗ trợ số tiền 9,24 tỷ đồng đồng giúp cho các hộ nghèo chăn nuôi trâu, bò sinh sản phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo; chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế hỗ trợ số tiền là 2,17 tỷ đồng giúp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo mua giống sản xuất; chương trình hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ số tiền là 3,73 tỷ đồng; chương trình tín dụng đối với hộ nghèo có số hộ vay vốn là 7.521 hộ, tổng số tiền được vay là 165,21 tỷ đồng; chương trình tín dụng đối với hộ cận nghèo có số hộ vay vốn là 4.726 hộ, tổng số tiền được vay là 87,42 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề; cấp thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí cho học sinh; hỗ trợ tiền điện; thăm hỏi, tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, từ đó nhiều hộ đã vươn lên thoát nghèo, từng bước ổn định đời sống.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

## **2.4. Giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm**

### **2.4.1. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm:**

Huyện Triệu Sơn có truyền thống hiếu học, là một trong những đơn vị thuộc tốp đầu tỉnh về chất lượng giáo dục. Cấp ủy, chính quyền các cấp luôn quan tâm đến công tác phổ cập và xóa mù chữ, có nhiều giải pháp tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất trường học, do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt kết quả tốt.

Huyện đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2013, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 năm 2015, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 năm 2020, xóa mù chữ mức độ 2 năm 2020. Đến nay huyện đã duy trì bền



vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, cộng đồng học tập ngày càng phát triển, 32/32 xã có quỹ khuyến học, nhiều dòng họ có quỹ khuyến học. Tổng số kinh phí dành cho khuyến học, khuyến tài các cấp trong toàn huyện 41,8 tỷ đồng. Hằng năm duy trì trao thưởng cho giáo viên, học sinh có thành tích xuất sắc trên 500 triệu đồng. Trung tâm Giáo dục dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn hoạt động tích cực, phát huy được chức năng và vai trò trong việc nâng cao trình độ dân trí, tay nghề cho lao động nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục được học trung học phổ thông, bỏ túc trung học phổ thông và học nghề tại khu vực nông thôn năm 2020 đạt 95,4% (năm 2021 đạt 95,95%) (*Chi tiết phụ biểu số 12*).

Trong 11 năm, có 100 học sinh đậu vào các trường Trung học phổ thông chuyên của Bộ, của tỉnh; đạt 52 giải Nhất cấp tỉnh các môn văn hóa, 06 giải quốc gia các môn văn hóa (01 Nhất, 01 Ba, 04 Khuyến khích), đạt 01 Huy chương Vàng cấp quốc gia về giải toán trên máy tính cầm tay môn Toán.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### 2.4.2. Về y tế:

32 xã có trạm y tế với 164 giường bệnh, 140 y, bác sỹ (trong đó có 32 bác sỹ). Cơ sở vật chất, trang thiết bị trạm y tế được quan tâm đầu tư, xây dựng và sửa chữa nâng cấp đảm bảo nhu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân. Giai đoạn 2010-2021, đã huy động được 72,46 tỷ đồng đầu tư cho y tế tuyến xã, xây mới và nâng cấp các trạm y tế xã, thị trấn. Trong những năm qua Trạm y tế xã luôn thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, không để dịch bệnh, vụ ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra trên địa bàn; công tác khám chữa bệnh được triển khai thực hiện có hiệu quả. Đến năm 2020, 100% số xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế. Các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế của huyện Triệu Sơn định kỳ hằng năm được Sở Y tế kiểm tra, đánh giá đảm bảo duy trì tốt Bộ tiêu chí. 100% các xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí y tế trong xây dựng NTM.

Đến nay, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi toàn huyện là 7,6% và 9,1%; trong đó, khu vực nông thôn là 7,8% và 9,2% (*Chi tiết phụ biểu số 14*).

Công tác tuyên truyền, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) được huyện, xã tập trung chỉ đạo. Tổng số người tham gia BHYT trên toàn huyện đến 30/9/2021 là 190.113/204.379 người, đạt 93,02%. Trong đó, khu vực nông thôn 168.271/180.086 người, đạt 93,44%; tăng 36,73% so với năm 2010. (*Chi tiết theo phụ lục số 15*)

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### 2.4.3. Về văn hóa:

Hiện nay, trên địa bàn các xã có 229/229 thôn được công nhận danh hiệu văn hóa theo quy định, đạt tỷ lệ 100%; 32/32 xã được công nhận danh hiệu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", đạt tỷ lệ 100%. Các hoạt động văn hóa - thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, đa dạng về hình thức, chất lượng không ngừng được nâng cao, công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được gắn với nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới, triển khai đến từng xã, từng thôn, từng hộ gia đình bằng nhiều hình thức; 100% các thôn đã tiến hành điều chỉnh hương ước, quy ước, bổ sung các thiết chế văn hóa tại Nhà Văn hóa các thôn. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực. Tỷ lệ gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 89%. Phong trào thể thao quần chúng phát triển mạnh, tỷ lệ hộ gia đình thể thao đạt 38,5% số hộ, tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT đạt 42,5% dân số.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã được thực hiện nghiêm túc. Ngày 05/10/2016 Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/HU tăng cường việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn huyện và chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể triển khai thực hiện. Vì vậy, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều hủ tục đã được loại bỏ, đời sống văn hóa lành mạnh được nâng lên.

- Về việc cưới: Đã thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, nhiều đơn vị đã vận động tốt công tác tổ chức cưới tại Nhà Văn hóa thôn, không ăn uống linh đình kéo dài, không hút thuốc lá. Nhiều xã đám cưới được tổ chức tại Nhà Văn hóa thôn, tiêu biểu như: xã Thọ Tân, xã Vân Sơn, xã Đồng Tiến...

- Về việc tang: Được thực hiện đúng quy định, khi có người chết, không để quá 48 giờ mới tổ chức an táng, trường hợp chết do có bệnh truyền nhiễm đã được tổ chức an táng ngay, các hủ tục lạc hậu đã được xóa bỏ. Việc dùng hình thức hỏa táng trong đám tang được nhân rộng trên địa bàn toàn huyện. Một số xã tiêu biểu như: xã Đồng Tiến, xã Đồng Lợi, xã Nông Trường, xã Vân Sơn... Trên địa bàn huyện, tính đến năm 2021, số đám tang thực hiện hỏa táng là 28%.

- Về Lễ hội: Lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện được duy trì thường xuyên tại các di tích, tiêu biểu như: Lễ hội Đền Nưa - Am Tiên, Lễ hội Đền Vua Đinh, Lễ hội Phủ Tía, Lễ hội làng Quần Thanh. Các Lễ hội đã được chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức đúng nghi lễ truyền thống, có phần lễ và phần hội, an ninh trật tự được đảm bảo, không có tình trạng đồng bóng, bói toán... Tổ chức tốt việc hướng dẫn nhân dân và du khách tham gia các lễ hội thực hiện đúng nếp sống văn minh trong lễ hội.

Toàn huyện có 30 di tích lịch sử văn hóa và kiến trúc nghệ thuật đã được xếp hạng, trong đó: 04 di tích cấp Quốc gia, 26 di tích cấp tỉnh. Công tác bảo tồn di sản và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc luôn được quan tâm đẩy mạnh, đã được quan tâm trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị với tổng mức đầu tư hơn 100 tỷ đồng. Trong đó, tiêu biểu như di tích Đền Nưa - Am Tiên gần 100 tỷ đồng; Phủ Tía trên 1 tỷ đồng; Đình Tam Lạc gần 1 tỷ đồng; Đình làng Quần Thanh 1,5 tỷ đồng... Với những kết quả đạt được, huyện Triệu Sơn được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen năm 2020, Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du

lich Thanh Hóa, UBND huyện tặng Giấy khen, trong đó nhiều đơn vị nhiều năm liên tục được tặng Giấy khen, Bằng khen. Một số đơn vị có nhiều thành tích tiêu biểu như: xã Minh Sơn, xã Thọ Tân, xã Dân Lực, xã Đồng Tiến...

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### 2.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm:

Căn cứ các Chương trình, nghị quyết và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động về môi trường, xây dựng kế hoạch chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai rộng khắp đến tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Đồng thời tăng cường công tác chỉ đạo, phát động các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM bằng nhiều hình thức khác nhau như phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh, lắp đặt pano, khẩu hiệu, tổ chức thực hiện các mô hình dân vận khéo: “trồng hoa, cây bóng mát ven đường”, “thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng”.., đến nay môi trường của huyện luôn được đảm bảo.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh khu vực nông thôn có 50.014/50.596 hộ, đạt 98,85%, tăng 26,85% so với năm 2010. Số hộ được sử dụng nước sạch là 33.733/50.596 hộ, đạt 66,67% (trong đó, số hộ sử dụng từ nhà máy nước tập trung là 4.643 hộ, đạt 9,18%). (*Chi tiết phụ biểu số 16A, 16B*).

- Về hệ thống cấp nước sạch tập trung: Hiện nay, 31/32 xã trên địa bàn huyện Triệu Sơn đều đã được cấp nước sạch/có chủ trương đầu tư hệ thống cấp nước sạch tập trung, cụ thể như sau:

+ Chi nhánh cấp nước Đông Sơn (Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa quản lý) cấp cho 2 xã gồm xã Đồng Tiến và Đồng Thắng;

+ Chi nhánh cấp nước thị trấn Triệu Sơn (Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa quản lý) đang cấp nước cho thị trấn Triệu Sơn và 4 xã gồm: An Nông, Dân Lực, Dân Quyền, Minh Sơn và 1 số hộ của thôn 7 của xã Vân Sơn. Xã Thọ Thế thuộc quy hoạch cấp nước của nhà máy cấp nước thị trấn Triệu Sơn và đang chuẩn bị được đầu tư xây dựng.

+ Nhà máy nước sạch Triệu Sơn (nhà máy đặt tại thị trấn Nưa): Hiện đang cấp nước cho thị trấn Nưa và các xã Đông Lợi, Dân Lý. 05 xã gồm: Thái Hòa, Khuyến Nông, Tiến Nông, Nông Trường và Vân Sơn: hệ thống tuyến ống cấp nước đã hoàn thiện xong, chuẩn bị đấu nối cấp nước. 06 xã gồm: Hợp Thắng, An Nông, Thọ Phú, Thọ Tân, Thọ Vực, Xuân Thịnh, Xuân Lộc thuộc phạm vi cấp nước của Nhà máy nước sạch Triệu Sơn (theo QĐ 5156/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa) và sẽ được đầu tư giai đoạn sau.

+ Nhà máy nước sạch tại xã Thọ Ngọc (của công ty TNHH hai thành viên Thái Học): Đã hoàn thiện hệ thống đường ống cấp nước cho các xã Thọ Ngọc, Thọ Cường và Xuân Thọ. Hiện nay, nhà máy đang vận hành cấp nước thử cho xã Thọ Ngọc và đang tiếp tục xây dựng đường ống cấp nước cho 08 xã còn lại thuộc phạm vi cấp nước của dự án gồm: Thọ Tiến, Thọ Sơn, Bình Sơn, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thành, Triệu Thành, Thọ Bình.

- Trên địa bàn 32 xã có 4.103 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Trong đó, 128 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản) cụ thể:

+ 30 dự án, bao gồm: 04 dự án về chăn nuôi, 05 dự án về khai thác khoáng sản, 21 dự án về sản xuất và dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ 98 dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND huyện.

+ Còn lại là các cơ sở sản xuất nhỏ, kinh doanh nhỏ lẻ (dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng, nhà hàng ăn uống, nuôi trồng thủy sản hộ gia đình...), các cơ sở này đều đã ký cam kết với các xã về việc chấp hành các quy định về BVMT, được các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát thường xuyên theo thẩm quyền (*Chi tiết theo phụ biểu số 17A*).

Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản: Trên địa bàn 32 xã có 381 cơ sở chuyên nuôi trồng thủy sản. Trong đó: 135 cơ sở nuôi thâm canh, bán thâm canh có diện tích nuôi trồng từ 1,2-3,5 ha tại các xã Xuân Thọ, Thọ Ngọc,... đã có cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã. Còn lại các cơ sở nuôi nhỏ lẻ có diện tích ao nuôi từ 0,03 ha trở lên. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã thực hiện vệ sinh ao nuôi thủy sản định kỳ; không sử dụng thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

Đối với phát triển làng nghề: Huyện Triệu Sơn có 6 làng nghề và 01 làng nghề truyền thống tại 04 xã, gồm Đồng Thắng, Thọ Sơn, Hợp Lý, Xuân Lộc (cụ thể: 01 làng nghề nón lá tại xã Xuân Lộc; 04 làng nghề hoa cây cảnh tại xã Hợp Lý, 01 làng nghề chổi đót tại xã Thọ Sơn và 01 làng nghề truyền thống chế tác đá tại xã Đồng Thắng. Các làng nghề đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo đúng quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; thành lập các tổ chức tự quản về môi trường và ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất. Nước thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt được xử lý qua các bể tự hoại trước khi thải ra môi trường.

Hàng năm, UBND các xã đã xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường, đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể cho các ngành, tổ chức hội, đoàn thể phụ trách công tác vệ sinh môi trường tại các khu vực công cộng của thôn, xã và các khu dân cư. Đã ban hành một số các văn bản chỉ đạo để tiến hành công tác bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp. Đã phát động trồng được trên 205 km đường hoa, cây xanh dọc các trục đường xã, đường thôn và liên thôn, trồng trên 280.000 cây bóng mát; 40 km lát vỉa hè đá; 55 km đường điện sáng; giải phóng, san ủi hành lang đường, lòng, lề 150 km; đặc biệt đã triển khai tích cực các hoạt động hưởng ứng các sự kiện lớn về môi trường, như: Ngày môi trường thế giới, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, giờ trái đất...

Khu vực nông thôn có 133 nghĩa trang, hiện tại các nghĩa trang đã và đang được sử dụng. Để đảm bảo an toàn vệ sinh, các nghĩa trang đều được bố trí cách xa nguồn nước sinh hoạt và khu dân cư theo quy định. Công tác

mai táng được thực hiện tại vị trí xác định tại các nghĩa trang, theo đúng quy chế sử dụng nghĩa trang được UBND các xã ban hành.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2021 khu vực nông thôn đạt 94,7%. Hiện nay 32/32 xã đã có phương án thu gom, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (Hợp tác xã dịch vụ Tân Sơn, Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa, đội đảm bảo giao thông huyện). Rác thải sau khi được thu gom, vận chuyển đến các khu xử lý rác tập trung của các xã để chôn lấp, có 06 xã (Minh Sơn, Dân Lực, An Nông, Tiến Nông, Nông Trường, Đồng Tiến) đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đến khu xử lý rác Cồn Mía, huyện Hoàng Hoá để xử lý theo đúng quy định. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các xã khoảng 99 tấn/ngày. Đặc biệt, sau khi được triển khai mô hình thu gom, phân loại rác tại nguồn, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ thành phân bón hữu cơ tại hộ gia đình nhận thức người dân được nâng cao, người dân đã phân loại, tận dụng những rác thải có nhóm hữu cơ để làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ, nhờ đó lượng rác thải thu gom đã giảm đi nhiều, trung bình thu gom để đem đi xử lý tại các xã khoảng 79,2 tấn/ngày.

+ *Đối với chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại*: Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, may mặc, cơ khí... trên địa bàn các xã đều ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường. Riêng chất thải nguy hại tại các cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại, yêu cầu chủ cơ sở phải có nhà kho lưu giữ, thiết bị lưu chứa CTNH và dán mã CTNH theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý (Công ty môi trường Nghi Sơn và Công ty môi trường Việt Thảo) và nộp chứng từ CTNH về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý theo quy định.

+ *Đối với chất thải nguy hại đồng ruộng*: UBND huyện đã ban hành kế hoạch thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải nguy hại đối với các chủ nguồn chất thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh dưới 600kg/năm trên địa bàn huyện Triệu Sơn; theo đó chất thải nguy hại định kỳ được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý. Bao bì hóa chất bảo vệ thực vật của 32 xã được thu về từ 3.213 thùng, bể chứa bao bì ngoài đồng ruộng với khối lượng khoảng 10.500 kg/năm tháng được vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định (do Công ty Cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ 01 năm 01 lần).

+ *Đối với chất thải rắn nông nghiệp*: Chủ yếu là vỏ, thân, lá, gốc rễ các loại cây trồng sau thu hoạch, bao gồm rơm, rạ, vỏ trái cây; tỷ lệ rơm rạ chiếm 82-87%. Một số hộ nông dân thường sử dụng làm thức ăn chăn nuôi và một phần được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cày lật đất, ngâm ủ nước làm phân hữu cơ. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung.

+ *Đối với chất thải rắn từ chăn nuôi gia súc*: Bao gồm phân gia súc, gia cầm đã được các hộ gia đình thu gom và ủ phân để bón ruộng, trồng hoa, cây cảnh hoặc sử dụng trong nuôi giun quế làm thức ăn cho gia cầm, thủy sản.

+ *Đối với chất thải y tế:* Trên địa bàn 32 xã có 32 trạm y tế xã và 24 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân. Chất thải y tế phát sinh khoảng 26.280 kg/năm. Trong đó chất thải y tế thông thường khoảng 10.512 kg/năm được phân loại bán cho cơ sở tái chế phế liệu, một phần được xử lý như chất thải sinh hoạt thông thường, chất thải y tế lây nhiễm khoảng 15.768 kg/năm được vận chuyển về khu xử lý chất thải y tế của Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn để xử lý (theo Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh về kế hoạch quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020).

Công tác triển khai phân loại rác thải tại nguồn và xử lý rác hữu cơ tại gia đình được UBND huyện tập huấn, triển khai. Từ đó, nhiều hộ gia đình đã có ý thức phân loại rác tại nguồn, xây dựng các bể ủ phân hữu cơ để xử lý rác thải hữu cơ phát sinh của gia đình bằng phương pháp ủ phân vi sinh, sử dụng chế phẩm sinh học phun, ủ, xử lý phân chuồng để bón cây trồng trong vườn, ngoài đồng ruộng... góp phần giảm thiểu rất lớn lượng rác thải hữu cơ ngay tại nguồn, giảm ngân sách hỗ trợ và giảm ô nhiễm môi trường. Các hộ gia đình đều có các biện pháp xử lý nước thải sơ bộ bằng các bể thu gom, lắng lọc trước khi đầu nối với mương tiêu thoát nước khu dân cư. Các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ứ đọng, ngập úng.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh khu vực nông thôn đạt 93,94% (47.530/50.596 hộ), tăng 17,76% so với năm 2010. Công tác vệ sinh nhà cửa, đường làng, ngõ xóm của các hộ gia đình thực hiện đúng theo tiêu chí 3 sạch quy định (*Chi tiết theo Phụ biểu 17B*).

Trên địa bàn 32 xã có 209 trang trại, gia trại chăn nuôi và trang trại tổng hợp, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả. Trong đó, 04 trang trại thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; 11 trang trại thuộc đối tượng lập Kế hoạch BVMT được Chủ tịch UBND huyện xác nhận theo quy định), còn lại 194 trang trại, gia trại có quy mô nhỏ hoặc trang trại sinh thái không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định.

Tất cả các trang trại, gia trại đều được xây dựng theo đúng quy chuẩn bảo vệ môi trường, được quy hoạch cách biệt với khu dân cư không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. 100% các trang trại đều xây dựng hầm biogas hoặc sử dụng đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi. Trong năm 2019, 2020 do ảnh hưởng của Dịch tả lợn Châu phi, số lượng đàn lợn ở các trang trại, gia trại đã giảm nhiều so với các năm trước.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn 32 xã là 12.784/14.708 hộ, đạt 86,92%, cao hơn năm 2010 là 24,42% (*Chi tiết theo Phụ biểu 17C*).

- Đối với công tác an toàn thực phẩm, hằng năm UBND huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể triển khai ký cam kết đến 100% chủ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn các xã, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng đã được nâng lên, dần đi vào nề nếp, tình trạng sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, trong chế biến thực phẩm, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học đã

được kiểm soát; công tác truyền thông về an toàn thực phẩm đã được chú trọng, việc phổ biến pháp luật, kỹ năng sản xuất, lựa chọn sản phẩm an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Việc xây dựng các chuỗi sản phẩm an toàn, chợ an toàn thực phẩm, cửa hàng an toàn thực phẩm đang được tiến hành. Hiện các xã đều đang triển khai xây dựng xã an toàn thực phẩm theo tiêu chí của tỉnh Thanh hóa, đã có 32/32 xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm được UBND tỉnh công nhận. Toàn huyện có 2.410 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm (trong đó khu vực nông thôn có 2.035 cơ sở), các cơ sở đã được nhập dữ liệu và thực hiện quản lý theo quy định của tỉnh.

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

## **2.5. Về xây dựng hệ thống chính trị, đảm bảo Quốc phòng - An ninh**

### **2.5.1. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

Trong những năm qua huyện đã chú trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; kiện toàn tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể các cấp đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ; Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 04/NQ-TU của Tỉnh ủy về tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch cán bộ; gắn quy hoạch với việc đào tạo nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ và luân chuyển cán bộ. Phát triển đảng viên mới được quan tâm cả về số lượng và chất lượng; chú trọng phát triển đảng viên khu vực nông thôn. Làm tốt công tác đào tạo, trong giai đoạn 2010 - 2020 huyện đã cử đi đào tạo 2.339 đồng chí, trong đó đào tạo lý luận chính trị 1.127 đồng chí, đào tạo chuyên môn 1.212 đồng chí. Điều động, luân chuyển 13 cán bộ huyện làm cán bộ chủ chốt xã, thị trấn. Trong giai đoạn 2010-2020 đã kết nạp mới 2.842 đảng viên.

Tổng số cán bộ công chức của 32 xã trong huyện là 608 người. Việc bố trí cán bộ, công chức đảm bảo theo quy định, trong đó cán bộ là 310 người, công chức là 298 người.

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ 10 người, chiếm tỷ lệ 1,65%; Đại học 535 người, chiếm tỷ lệ 88%; cao đẳng 10 người, chiếm tỷ lệ 1,65%; Trung cấp 53 người, chiếm tỷ lệ 8,7% (có 25 đồng chí làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh có quyết định sỹ quan chiếm tỷ lệ 4,1% và 13 công chức Chỉ huy trưởng Quân sự có bằng trung cấp, chiếm tỷ lệ 2,1%).

Trình độ lý luận chính trị Cao cấp, cử nhân có 08 người, chiếm tỷ lệ 1,32%; Trung cấp 494 người, chiếm tỷ lệ 81,25% và sơ cấp 106 người, chiếm tỷ lệ 17,43%.

Có 32/32 xã có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền; Đảng bộ của các xã từ năm 2012 đến nay được cấp có thẩm quyền đánh giá “trong sạch vững mạnh”, và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. - Chính quyền của các xã từ năm 2012 đến nay được cấp có thẩm quyền đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Tổ chức chính trị - Xã hội của các xã hoạt động hiệu lực, hiệu quả hàng năm xếp loại từ khá trở lên,

nhiều xã được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Trung ương hội, tỉnh hội tặng bằng khen.

Công tác đánh giá tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện luôn được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, UBND huyện đã ban hành kế hoạch, tổ chức tập huấn, tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tổ chức thường xuyên, liên tục, thiết thực, hiệu quả thông qua các hội nghị, các cuộc họp dân, trên hệ thống truyền thanh, trên trang thông tin điện tử huyện, xã. Tính đến nay tại 100% các xã đạt chuẩn theo quy định.

Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được cấp ủy Đảng, chính quyền huyện, xã đã quan tâm thực hiện, đến nay huyện có 13/32 xã có nữ cán bộ là lãnh đạo chủ chốt, 19/32 xã còn lại có tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng ủy xã đạt từ 15% trở lên. 100% xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ chương trình, không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình. 100% số xã, thị trấn đều có các chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh xã, bình quân từ 02 chuyên mục/tháng trở lên. 100% số xã, thị trấn đều có quyết định thành lập hoặc công nhận địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng đặt tại Trạm Y tế đảm bảo theo quy định. (*Chi tiết theo Phụ biểu 18*)

*Kết quả tự đánh giá: 32/32 xã đạt tiêu chí.*

#### *2.5.2. Công tác Quốc phòng và An ninh:*

##### *2.5.2.1. Về quốc phòng:*

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp.

Huyện ủy, UBND huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp theo đúng quy định; làm tốt công tác đăng ký, quản lý lực lượng dân quân, tổ chức huấn luyện theo đúng quy định, các Ban chỉ huy quân sự cấp xã thường xuyên bổ sung kiện toàn.

Đến nay 100% Ban CHQS cấp xã thực hiện nghiêm chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân, 100% thôn, xóm đều thành lập tổ chức dân quân, mỗi xã, xây dựng được 01 trung đội dân quân cơ động, mỗi thôn tổ dân phố xây dựng 01 tổ dân quân, tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ tăng dần từng năm. Lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị hàng năm theo đúng nội dung, thời gian quy định. Kiểm tra 100% đạt yêu cầu, trong đó 78-81% khá, giỏi trở lên.

Bảo đảm đúng đủ chế độ chính sách cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật, đủ ngân sách cho công tác quân sự quốc phòng. 100% Ban CHQS cấp xã có phòng làm việc riêng. Có nhà kho đựng vật chất và các thiết bị, công cụ hỗ trợ cho hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng thủ dân sự, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai.

Tất cả 100% Ban CHQS cấp xã đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo đúng mẫu biểu, thông tư, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Quân khu. Thực hiện tốt việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, hàng năm 100% công dân nam đủ 17



tuổi được đăng ký nghĩa vụ quân sự tại nơi cư trú, tuyển chọn đủ và vượt chỉ tiêu. Công tác bồi dưỡng quốc phòng an ninh cho đối tượng được thực hiện theo đúng kế hoạch. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, sắp xếp biên chế chặt chẽ theo đúng chuyên ngành quân sự

- Xây dựng lực lượng thường trực

Lực lượng thường trực được biên chế theo đúng mẫu quy định của Bộ Quốc phòng. 100 cán bộ, nhân viên Ban CHQS huyện có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ban CHQS huyện đã phối MTTQ các phòng ban ngành đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong các tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Chủ động nắm chắc tình hình cơ sở, kịp thời tham mưu cho Huyện uỷ, UBND huyện chỉ đạo xử lý các tình huống ở địa phương và cơ sở giữ vững An ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, không để tồn đọng tạo thành điểm nóng

#### 2.5.2.2. Về an ninh:

Trong những năm qua, lực lượng công an xã luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đảm bảo giữ vững an ninh chính trị (ANCT) và trật tự an toàn xã hội (ATXH) tại địa bàn. Với những thành tích đã đạt được, nhiều tập thể và cá nhân được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng, nhiều đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” và “Đơn vị tiên tiến” hàng năm.

Để duy trì giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, công an huyện đã đôn đốc kiểm tra hướng dẫn công an các xã làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền và phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể, triển khai có hiệu quả chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước

+ Hiện nay, huyện Triệu Sơn có 32/32 xã đạt chuẩn Tiêu chí 19.2 về “xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên”

+ Từ năm 2018 đến nay, Đảng uỷ các xã đều ban hành Nghị quyết lãnh đạo, UBND xã có kế hoạch chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; công an xã chủ động xây dựng kế hoạch bảo đảm ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT.

+ Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và hành vi vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.

Hiện nay, tổng số cán bộ, chiến sỹ công an tại 32 xã 157 đồng chí công an chính quy, ngoài ra lực lượng Công an xã bán chuyên trách là 227 đồng chí.

Các xã đã thực hiện tốt cuộc vận động “Vì bình yên cuộc sống, từng người, từng nhà, từng cơ quan đơn vị hãy làm nhiều việc tốt về ANTT”, xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT, xây dựng các mô hình tự quản về ANTT ở khu dân cư. Các mô hình tự quản về ANTT được các xã xây dựng và hoạt động có hiệu quả; điển hình như mô hình: “Dòng họ tự quản” tại xã Thị trấn Triệu Sơn, Bình Sơn; “Tổ an ninh công nhân” tại xã Dân Quyền, Thọ Dân; Tổ an ninh trật tự trường THPT tại xã Thái Hoà, Hợp Lý, Đồng Lợi; mô hình an ninh trật tự

vùng giáp ranh (phối hợp với huyện Nông Cống); UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai xây dựng mô hình “Camera với ANTT” tại các xã, thị trấn.

*Kết quả tự đánh giá:* 32/32 xã đạt tiêu chí.

### **2.6. Kết quả duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM**

Đối với các xã đã đạt chuẩn NTM, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã chỉ đạo các xã rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, nâng cao chất lượng tiêu chí. Đến nay 32/32 xã đều duy trì và đạt chuẩn theo bộ tiêu chí Quốc gia của tỉnh giai đoạn 2017-2020, chất lượng của các tiêu chí được nâng lên rõ rệt so với thời điểm xét công nhận đạt chuẩn. Đồng thời bắt tay vào công cuộc xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, xã NTM nâng cao và xây dựng xã NTM kiểu mẫu. Đến nay trên địa bàn huyện có 03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (gồm các xã: Đông Tiến, Đông Lợi và Vân Sơn) và 03 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (gồm các thôn: Đông Xá 1 xã Đông Tiến, thôn 7 xã Vân Sơn, thôn Lộc Trạch xã Đông Lợi).

## **3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM**

### **3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

#### *3.1.1. Yêu cầu của tiêu chí:*

Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.

#### *3.1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn đến năm 2045 đã được UBND huyện Triệu Sơn tổ chức lập, trình thẩm định theo đúng các quy định hiện hành tại Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; theo các Nghị định, Thông tư và các quy định hiện hành. Theo đó, nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 05/01/2021; Đồ án quy hoạch cũng đã được Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn khóa XVIII thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 25/6/2021; Sở Xây dựng đã tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban, ngành và tổ chức họp thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định tại văn bản số 7509/SXD-QH ngày 13/10/2021.

- Nội dung đồ án được lập đảm bảo các yêu cầu theo nhiệm vụ quy hoạch vùng được duyệt; đảm bảo các quy định tại Khoản 6 và Khoản 9 Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; đảm bảo các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; đáp ứng các yêu cầu tái cơ cấu nền nông nghiệp và yêu cầu xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2030 và giai đoạn đến 2045.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 14/10/2021.

#### *3.1.3. Tự đánh giá:* Đạt.

### **3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

### 3.2.1. Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã;
- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%.

### 3.2.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông luôn được huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; từng bước xây dựng hệ thống giao thông của huyện phát triển đồng bộ, có một mạng lưới giao thông hợp lý, đảm bảo kết nối toàn diện với đường quốc gia, đường tỉnh, giữa trung tâm hành chính huyện với trung tâm hành chính các xã và đến các thôn, xóm, các cụm kinh tế - xã hội, khu du lịch, các điểm du lịch, các cụm công nghiệp, các đô thị trên địa bàn.

Giai đoạn 2010- 2021, tổng nguồn vốn huy động để làm đường giao thông huyện, giao thông liên xã toàn huyện đạt 1.865,4 tỷ đồng (Vốn Trung ương 124,3 tỷ đồng; vốn tỉnh 175,2 tỷ; vốn huyện 178,6 tỷ; vốn khác 1.387,3 tỷ đồng); trong đó xây mới, nâng cấp, cải tạo 47,2 km đường huyện, 143,35 km đường xã, 244,17 km đường nội thôn; 292,2 km đường ngõ xóm, 252,98 km đường giao thông nội đồng; toàn huyện đã cải tạo, sửa chữa 27 cầu, 153 cống các loại. Nhìn chung đến thời điểm hiện tại hệ thống mạng lưới giao thông nông thôn huyện Triệu Sơn tương đối hoàn chỉnh, một số tuyến đường được đầu tư quy mô lớn theo hướng đô thị hóa như: đường từ cầu Thiệu đi cầu Nhôm.

#### - Đường bộ:

Đường huyện quản lý bao gồm 08 tuyến với tổng chiều dài là 62,5 km (giảm 2 tuyến và 19 km so với năm 2010 do đã được nâng cấp lên thành đường tỉnh lộ), đảm bảo kết nối trung tâm hành chính huyện tới tất cả các xã trên địa bàn, ô tô đi lại thuận tiện đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%. Trong đó có 06 tuyến đường huyện đạt quy mô cấp VI và 02 tuyến đường huyện đạt quy mô cấp V, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn năm 2010-2020 và phát triển kinh tế - xã hội huyện Triệu Sơn năm đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/6/2015; cụ thể 08 tuyến như sau:

(1) Tuyến Thọ Dân đi Thọ Bình: Chiều dài 5,8km; mặt đường đá dăm láng nhựa có chiều rộng  $B_m=3,5m$ ; chiều rộng nền đường  $B_n=6,5m$ , đạt quy mô cấp VI.

(2) Tuyến Dân Quyền đi Đồng Thắng: Chiều dài 12,1 km; mặt đường BTXM có chiều rộng  $B_m=3,5m$ ; chiều rộng nền đường  $B_n=6,5m$ , đạt quy mô cấp VI.

(3) Tuyến Quốc lộ 47 đi xã Bình Sơn: Chiều dài 13,5 km; đoạn từ Km0 - Km7+600 mặt đường đá dăm láng nhựa và BTXM có chiều rộng  $B_m=3,5m$ , nền đường rộng  $B_n=6,5m$ , đạt quy mô đường cấp VI; đoạn từ Km7+600 Km13+500 mặt đường đá dăm láng nhựa có chiều rộng  $B_m=3,5m$ , nền đường rộng  $B_n=6,0m$ , đạt quy mô cấp VI địa hình vùng núi.

(4) Tuyến Thọ Bình đi Bình Sơn: Chiều dài 8,3 km; mặt đường đá dăm láng nhựa có chiều rộng  $B_m=3,5m$ ; nền đường rộng  $B_n=6,0m$ , đạt quy mô cấp VI địa hình vùng núi.

(5) Tuyến Thọ Phú đi Thọ Tân: Chiều dài 7,1 km; mặt đường BTXM và láng nhựa có chiều rộng  $B_m=3,5m$ ; nền đường rộng  $B_n=6,5m$ , đạt quy mô cấp VI.

(6) Tuyến Hợp Tiến đi Cán Khê: Chiều dài 3,2 km; mặt đường đá dăm láng nhựa chiều rộng  $B_m=3,5m$ ; nền đường rộng  $B_n=6,5m$  đạt quy mô cấp VI.

(7) Tuyến Cầu Trắng đi Đồng Lợi: Chiều dài 8,4 km; mặt đường đá dăm láng nhựa có chiều rộng  $B_m=5,5m$ ; nền đường rộng  $B_n=7,5m$  đạt quy mô cấp V.

(8) Tuyến Vân Sơn đi Xuân Du: Chiều dài 4,1 km; mặt đường đá dăm láng nhựa chiều rộng  $B_m=5,5m$ ; nền đường rộng  $B_n=7,5m$  đạt quy mô cấp V.

Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện gồm 13 cầu, 192 cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. 100% đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm. Hàng năm huyện đều xây dựng kế hoạch, bố trí từ 01- 02 tỷ đồng ngân sách huyện để thực hiện duy tu, bảo trì các tuyến đường giao thông và công trình trên tuyến.

*\* Hệ thống vận tải, bến xe:*

- Về vận tải khách công cộng (xe buýt): Hiện nay, trên địa bàn huyện Triệu Sơn có 02 tuyến xe buýt qua địa bàn huyện Triệu Sơn đi trên tuyến đường Quốc lộ 47, QL.47C và các tuyến đường tỉnh đảm bảo theo quy hoạch, gồm:

+ Tuyến xe buýt số 04 (tuyến xe buýt nhanh): Thành phố Thanh Hoá - Đông Sơn - Triệu Sơn - Thọ Xuân - Mục Sơn.

+ Tuyến xe buýt số 10: Thành phố Thanh Hoá - Đông Sơn - Triệu Sơn - Thọ Xuân.

Các điểm dừng, đỗ có biển báo, vạch kẻ đường đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng phục vụ nhân dân đi lại được thuận lợi.

- Về bến xe khách tại trung tâm huyện: Theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới bến xe ô tô khách tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, huyện Triệu Sơn được quy hoạch 01 bến xe loại 4 (xã Minh Dân) và 03 bến xe loại 5 (xã Dân Lực, xã Hợp Thành, xã Tân Ninh); sau khi sáp nhập xã Minh Dân vào thị trấn Triệu Sơn thì hiện nay trên địa bàn thị trấn Triệu Sơn có 01 bến xe khách đạt bến xe loại 4 là bến xe khách Hào Hương đang hoạt động, đáp ứng tiêu chuẩn.

3.2.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

### **3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**

#### *3.3.1. Yêu cầu của tiêu chí:*

Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

#### *3.3.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi được duyệt tại các Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày

27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Quy hoạch thủy lợi chi tiết vùng Nam sông Chu, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Công trình thủy lợi liên xã chính của huyện là hệ thống tưới kênh Nam, kênh C6, kênh dẫn từ các hồ, đập và kênh dẫn từ các trạm bơm tưới với tổng chiều dài kênh liên xã là 73,08 km, phục vụ tưới tiêu cho 32 xã và 2 thị trấn.

Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã là Công ty TNHH MTV Sông Chu (trực tiếp là Chi nhánh thủy lợi Triệu Sơn), các HTX dịch vụ nông nghiệp hoạt động hiệu quả, bền vững. Cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Sông Chu được thành lập theo quy định hiện hành, công ty được chuyển đổi thành mô hình công ty TNHH một thành viên hoạt động công ích có vốn nhà nước 100%, thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

- Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tưới tiêu nước hợp lý, hiệu quả: Hàng năm, Công ty TNHH MTV Sông Chu đều thực hiện kiểm tra công trình trước lũ, sau lũ; rà soát, bổ sung phương án phòng chống lụt bão; xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với UBND huyện, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết nước tưới tiêu hợp lý và xử lý các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện.

3.3.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

### **3.4. Tiêu chí số 4 về Điện**

#### *3.4.1. Yêu cầu của tiêu chí:*

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

#### *3.4.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

a. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã: Đảm bảo thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công thương và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

- Nguồn điện: Được cung cấp điện chính khu vực huyện Triệu Sơn bằng lưới điện Quốc gia thông qua 03 Trạm biến áp 110 kV gồm: Trạm Núi một; Trạm Mục Sơn và Trạm Triệu Sơn đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tổng công suất các trạm 115MVA; điện năng tiêu thụ trung bình hàng năm trên 165.000.000 triệu Kw/h, tăng trưởng phụ tải trung bình 15,5%/năm.

- Đường trung thế: Trên địa bàn huyện có 367 km đường dây trung thế.

- Trạm biến áp: Đến nay, toàn huyện có 01 trạm trung gian, 422 trạm biến áp phụ tải với tổng công suất 115.960KVA cấp điện cho 57.487 hộ/ 57.487 hộ dân và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đạt 100% đáp ứng được yêu cầu sử dụng điện của người dân và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định.

b. Hệ thống điện đầu tư lưới điện trên địa bàn huyện Triệu Sơn phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh Thanh Hóa.

3.4.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

### **3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục**

3.5.1. *Nội dung về y tế:*

3.5.1.1. *Yêu cầu của tiêu chí:*

Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

3.5.1.2. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

\* Về Bệnh viện đa khoa huyện

- Trước khi bước vào xây dựng Nông thôn mới:

Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn là bệnh viện hạng III, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân, thường xuyên dẫn đến quá tải trong bệnh viện. Bệnh viện chỉ có 03 3 khu nhà 2 tầng và 2 khu nhà cấp 4, với 121 cán bộ, trong đó chỉ có 24 bác sĩ điều trị. Đến năm 2021, sau quá trình xây dựng Nông thôn mới điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, chất lượng khám chữa bệnh tại Bệnh viện đã được nâng lên rõ rệt, cụ thể:

+ Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn được xếp hạng là bệnh viện hạng II, theo quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế Thanh Hóa. Bệnh viện có quy mô 320 giường bệnh với cơ cấu tổ chức gồm Ban giám đốc, 6 phòng chức năng và 11 khoa, phòng chuyên môn. Có tổng số 261 cán bộ gồm: 67 bác sĩ điều trị trong đó có 02 bác sĩ chuyên khoa cấp II; 02 thạc sĩ và 14 bác sĩ có trình độ sau đại học;

+ Bệnh viện có cơ sở vật chất gồm các khu nhà điều trị cao tầng kiên cố với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu của bệnh viện hạng II; + Bệnh viện đã tổ chức thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn với khoảng 130.000 lượt người được khám bệnh, 20.000 lượt người bệnh điều trị nội trú hàng năm, không để xảy ra các sai sót chuyên môn nghiêm trọng. Kết quả đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2020, theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐBYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế), BVĐK huyện Triệu Sơn thực hiện 83/83 tiêu chí, đạt trung bình 3,31 điểm/tiêu chí;

+ Bệnh viện luôn quan tâm đến chất lượng phục vụ người bệnh, chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, triển khai các kỹ thuật mới, mời các chuyên gia ở các bệnh viện tuyến trên về tập huấn, chuyển giao kỹ thuật nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ bệnh viện.

\* Về Trung tâm Y tế huyện và công tác Y tế xã, thị trấn

- Trước khi bước vào xây dựng Nông thôn mới:

Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn chưa có trụ sở làm việc riêng, được sắp xếp ghép trong khuôn viên BVĐK huyện với 01 dãy nhà 02 tầng xuống cấp, các

trang thiết bị, phương tiện hoạt động rất hạn chế, chủ yếu chỉ là trang thiết bị văn phòng, máy phun hóa chất, thiết bị bảo quản vắc xin, dụng cụ khám bệnh cơ bản như huyết áp kế, ống nghe..., với 36 cán bộ y tế, trong đó chỉ có 08 bác sĩ thực hiện nhiều chức năng nhiệm vụ như: Phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS, chăm sóc Sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng, y tế học đường, y tế lao động, Vệ sinh ATTP, quản lý chỉ đạo y tế xã, thị trấn...

- Đến nay, sau quá trình xây dựng NTM: Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn đã được xếp hạng là đơn vị y tế hạng III, theo quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế Thanh Hóa. Trung tâm được bố trí trụ sở làm việc riêng với 04 dãy nhà cấp 4 được xây dựng bán kiên cố đầy đủ công trình phụ trợ với đủ công năng và số phòng làm việc, cơ sở vật chất, trang thiết bị... đáp ứng yêu cầu theo chức năng nhiệm vụ được giao cũng như nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

+ Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn hiện có 47 cán bộ với 21 cán bộ có trình độ đại học và sau đại học, trong đó có 01 bác sĩ chuyên khoa cấp II, 06 bác sĩ Chuyên khoa cấp 1, 05 bác sĩ và các cán bộ khác; đã tổ chức thực hiện tốt các hoạt động y tế dự phòng, dân số, kiểm soát bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh xã hội, chăm sóc sức khỏe ban đầu, an toàn thực phẩm, tổ chức thực hiện các chương trình y tế quốc gia... quản lý chỉ đạo 34 Trạm Y tế xã, thị trấn trên địa bàn. Đến nay tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 theo quy định của Bộ Y tế.

+ Trung tâm đã luôn làm tốt công tác chỉ đạo, điều hành, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả tốt, cụ thể như: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi lần lượt là 7,6% và 9,1%; Tỷ lệ trẻ dưới 01 tuổi tiêm chủng đầy đủ hàng năm đều đạt trên 95%, nhiều năm liền không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn trên địa bàn...

3.5.1.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

3.5.2. *Nội dung về Văn hóa:*

3.5.2.1. *Yêu cầu của tiêu chí:*

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/2/2010 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3.5.2.2. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

\* Về văn hoá:

Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Triệu Sơn được thành lập theo Quyết định số 4683/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở sáp nhập (Trung tâm Văn hóa - Thể thao với Đài Truyền thanh). Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện được xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010. Quy mô xây dựng gồm:

- Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2010, sửa chữa nâng cấp vào các năm 2015, 2020 với tổng diện tích là 52.800m<sup>2</sup>, các phòng chức năng đảm bảo diện tích theo quy định, cùng hệ thống các công trình thể dục, thể thao của huyện, gồm:

- Trung tâm Hội nghị huyện có diện tích 5.800m<sup>2</sup> đưa vào sử dụng năm 2010 đến nay thường xuyên được cải tạo, nâng cấp với sức chứa 380 chỗ ngồi, sân khấu rộng 108 m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ Quốc hiệu, Quốc huy, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, bàn, ghế, các thiết bị âm thanh, ánh sáng đảm bảo phục vụ hội nghị và tổ chức hội diễn văn nghệ cấp huyện. Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện có 09 phòng chức năng đảm bảo diện tích theo quy định, trong đó có 01 phòng họp có sức chứa 50 chỗ ngồi.

- Khu Văn hóa - Thể thao huyện xây dựng năm 2015, diện tích 47.000m<sup>2</sup>, với hệ thống thiết bị tập luyện và thi đấu thể dục ngoài trời khá hiện đại, gồm: 02 sân bóng chuyên, 01 sân bóng đá mini, 02 sân quần vợt, 02 sân cầu lông, 01 bể bơi diện tích 1.250m<sup>2</sup> và khu vui chơi giải trí; các công trình được xây dựng đạt chuẩn theo quy định. Trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động thể dục thể thao và khu vui chơi giải trí cho mọi lứa tuổi được đảm bảo.

- Sân vận động xây dựng năm 2015, hàng năm luôn được nâng cấp bổ sung trang thiết bị đảm bảo cho các hoạt động, có diện tích là 17.000m<sup>2</sup>, gồm 01 khán đài với 02 cổng vào, hệ thống tường rào bao quanh, xung quanh có đường pitch, hệ thống đèn pha chiếu sáng phục vụ các hoạt động thể thao buổi tối, và đèn cao áp đảm bảo công tác an ninh. Các công trình này đều được thiết kế, xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, tập luyện cho vận động viên và Nhân dân, đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải bóng đá của huyện, Đại hội TDTT, Hội khỏe Phù Đổng, các giải TDTT cấp huyện, giao lưu, thi đấu bóng đá cấp huyện, cấp cụm và các hoạt động kết nối với các xã. Các công trình thể thao đều được thiết kế, xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập (kể cả buổi tối) cho vận động viên và Nhân dân trong huyện.

- Bộ máy quản lý của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện có tổng số 18 cán bộ biên chế; trong đó, gồm: Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 14 cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, 01 kế toán. Cơ cấu tổ chức, gồm: Phòng Hành chính, Phòng Nghiệp vụ, Đài Truyền thanh - Truyền hình. Cán bộ Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện được đào tạo đảm bảo trình độ phục vụ hoạt động chuyên môn, 100% cán bộ có trình độ Đại học trở lên, với 03 thạc sỹ, 15 đại học; trong đó, có 02 người trình độ Cao cấp lý luận chính trị, 07 người có trình độ Trung cấp LLCT.



Hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện: Trong giai đoạn 2010 - 2021 đã tổ chức thành công 02 kỳ Đại hội Thể dục thể thao cấp cơ sở và Đại hội Thể dục thể thao huyện lần thứ VII năm 2013; lần thứ VIII năm 2017. Hàng năm, huyện đều tổ chức tham gia thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh, thường xuyên tổ chức các giải thể thao quần chúng như: Chạy việt dã, bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, bóng đá, kéo co, bóng bàn, cầu lông... Ngoài ra, để đảm bảo các nhu cầu sinh hoạt và tập luyện thể thao của nhân dân, Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch còn duy trì thường xuyên các hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao ở các bộ môn: Bóng đá nam, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, võ thuật cổ truyền, thể dục thẩm mỹ, bóng rổ...

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 503 CLB thể thao được tổ chức và duy trì thường xuyên, gồm: 229 CLB Bóng chuyền hơi, 34 CLB Bóng chuyền da, 35 CLB Bóng bàn, 177 CLB Cầu lông, 27 CLB Bóng đá, 01 CLB Quần vợt. Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện và các CLB là địa chỉ để mọi người dân, những người có sở thích đam mê thể thao đến để sinh hoạt và tập luyện.

Quá trình tổ chức và hoạt động, phong trào thể dục, thể thao của huyện Triệu Sơn ngày càng được nâng cao, tham gia đầy đủ các Hội thi do tỉnh, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Qua các giải tham gia thi đấu từ năm 2010 đến nay, huyện Triệu Sơn đã được tặng 104 Huy chương các loại, gồm: 17 Huy chương Vàng, 35 Huy chương Bạc, 52 Huy chương Đồng.

- Phong trào văn hóa, văn nghệ được tổ chức và duy trì thường xuyên, với các nội dung hoạt động vui chơi, giải trí và thi đua chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, của tỉnh, của huyện như: Hội diễn văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân; hội diễn văn nghệ chào mừng các ngày kỷ niệm của đất nước và địa phương, tổ chức Hội thi kỷ niệm ngày thành lập Đảng; Hội thi Nhà nông đua tài; Hội thi Văn nghệ gia đình nông thôn mới; Hội thi Văn nghệ gia đình văn hóa; Hội thi Phụ nữ với an toàn vệ sinh thực phẩm; Hội thi giảm nghèo... Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện, mỗi năm tổ chức từ 20 đến 25 chương trình hoạt động văn hóa - văn nghệ; mở từ 15 đến 22 lớp năng khiếu; thường xuyên phối hợp với các xã, thị trấn trên địa bàn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, duy trì và phát triển dưới các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích, các lớp năng khiếu nghệ thuật đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Huyện đã liên tục tham gia Hội thi thông tin cổ động toàn tỉnh từ năm 2010 - 2021 đều đạt Giải A. Mỗi năm, đã tổ chức 130 - 150 đợt tuyên truyền lưu động trên địa bàn huyện, làm 180 cụm pano lớn, 250 các cụm pa nô nhỏ, 1.000 áp phích, 1.200 băng rôn, khẩu hiệu trên địa bàn huyện.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 348 CLB, gồm: 34 CLB văn nghệ, 08 CLB thơ, 10 CLB Chèo, 34 CLB Văn hóa, Thể thao của Người cao tuổi; 184 CLB Liên thế hệ, 34 CLB "Gia đình phát triển bền vững", 10 CLB gia đình hạnh phúc, 34 CLB Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế. Các CLB được tổ chức và duy trì thường xuyên. Các CLB được tổ chức và duy trì thường xuyên. Trong đó,

tiêu biểu như: CLB liên thể hệ xã Dân Lực, CLB liên thể hệ xã Dân Quyền, CLB liên thể hệ xã Xuân Thịnh...

- Phòng truyền thống huyện trong khuôn viên của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch, với hơn 300 tư liệu, hiện vật cùng 200 ảnh và phim tư liệu, đã thực hiện tốt việc trưng bày, thuyết minh giới thiệu, đón khách đến thăm quan. Mỗi năm đón hơn 30 lượt khách đến tham quan; trong đó có nhiều đoàn học sinh của các trường phổ thông trên địa bàn huyện và các đoàn cán bộ học viên các Trung tâm bồi dưỡng chính trị đến tham quan.

- Thư viện huyện có 10.000 đầu sách, báo các loại và được liên tục bổ sung trong năm; có 01 thư viện điện tử với 10 máy tính có kết nối internet thuộc dự án Bill Melinda Gates tài trợ phục vụ nhu cầu tra cứu, tìm hiểu, tiếp cận với công nghệ thông tin, truyền thông, máy tính. Bình quân hàng năm Thư viện có hơn 120 bạn đọc làm thẻ mới và hơn 4.000 bạn đọc đến tra cứu thông tin. Trong những năm qua, Thư viện huyện đã tổ chức nhiều hoạt động quảng bá văn hóa, giới thiệu sách đến người dân; hàng năm thường xuyên tổ chức trưng bày lưu động sách, báo, các hình ảnh nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, Ngày sách Việt Nam; tổ chức Ngày hội đọc sách hàng năm. Tổ chức thực hiện luân chuyển sách, báo xuống phòng đọc của cấp xã, cấp thôn, kịp thời đáp ứng nhu cầu đọc, tìm hiểu thông tin, khoa học kỹ thuật áp dụng vào nông nghiệp của người dân.

Với những kết quả đạt được, huyện Triệu Sơn đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Bằng khen và Cờ thi đua năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen năm 2020 và nhiều Giấy khen của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Để nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao năm 2020 huyện đã quy hoạch và đầu tư, khởi công xây dựng mới khu Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện tổng diện tích là 67.343m<sup>2</sup> với tổng vốn đầu tư xây dựng trên 145 tỷ đồng. Gồm:

+ Nhà tập luyện và thi đấu có diện tích là 3.051m<sup>2</sup>; được thiết kế và xây dựng đúng quy chuẩn tập luyện và thi đấu, diện tích xây dựng 2.786m<sup>2</sup>, cơ cấu đầy đủ các phòng chức năng; khán đài 1.546m<sup>2</sup> và 1500 chỗ ngồi.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện quy mô xây dựng 03 tầng, mỗi tầng 358m<sup>2</sup> (tổng diện tích 1.074m<sup>2</sup>) trong đó: có 12 phòng chức năng đảm bảo diện tích theo quy định.

+ Sân vận động diện tích 14.204m<sup>2</sup>, khán đài quy mô 2.000 chỗ ngồi; có đường pit kiên cố, hệ thống đèn chiếu sáng. Các công trình này đều được thiết kế, xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập (kể cả buổi tối) cho vận động viên và nhân dân trong huyện. Hệ thống thiết bị tập luyện và thi đấu thể dục ngoài trời; gồm 02 sân Cầu lông 700m<sup>2</sup>, 02 sân Tennis diện tích 1.406m<sup>2</sup>, Bể bơi được xây dựng đạt chuẩn diện tích 2.1002. Vườn hoa cây xanh 10.119m<sup>2</sup>.

\* Về Du lịch:

Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII; huyện Triệu Sơn đã bám sát các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển du lịch ở địa phương, triển khai thực hiện hiệu quả công tác phát triển du lịch trên địa bàn; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chương trình phát triển du lịch Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân trong việc thực hiện mục tiêu phát triển du lịch huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2016 - 2020, Huyện đã ban hành Kế hoạch hành động số 2655/QĐ-UBND ngày 7/6/2017 của UBND huyện về việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Trong những năm qua huyện Triệu Sơn đã tập trung quản lý quy hoạch về phát triển du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, làm các tuyến đường kết nối các điểm du lịch trên địa bàn, trùng tu, tôn tạo các di tích, bảo tồn khôi phục văn hóa phi vật thể và nghề truyền thống tạo sản phẩm du lịch; thực hiện tốt các nhiệm vụ trong tâm về Chương trình, Đề án phát triển du lịch huyện Triệu Sơn, đến 2025, tầm nhìn đến năm 2030; quy hoạch xây dựng du lịch văn hóa tâm linh Ngàn Nưa, gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, làng nghề hoa cây cảnh...tập trung chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng, hình ảnh, tin bài quảng bá, lập Website, Facebook tuyên truyền, quảng bá du lịch của huyện.

Về khách du lịch: Từ năm 2010 - 2021 toàn huyện đón được trên 150.000 lượt khách (chủ yếu là khách nội địa đến dâng hương tại các di tích và tham quan danh lam thắng cảnh, khách tham gia lễ hội, tâm linh). Số lượng du khách đến tham quan tại các khu di tích ngày càng tăng như: di tích lịch sử văn hóa Đền Nưa - Am Tiên, Phủ Tía, Đền thờ Vua Đinh, Đền thờ Nguyễn Hiệu, Đền thờ Lãng mộ Lê Thì Hiến.... Thu dịch vụ về du lịch toàn huyện trong thời gian qua đạt trên 50 tỷ đồng. Đến nay, toàn huyện có 31 nhà nghỉ với 230 phòng nghỉ đảm bảo cho khách du lịch đến lưu trú, doanh thu ước đạt 1,9 tỉ đồng/năm. Huyện đã đầu tư phát triển hệ thống giao thông, các công trình công cộng phục vụ du lịch, từ năm 2010 đến nay với tổng kinh phí đầu tư cho phát triển du lịch trên địa bàn huyện Triệu Sơn trên 100 tỷ đồng. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan Báo chí Trung ương và địa phương để giới thiệu về các khu di tích lịch sử và các lễ hội truyền thống của huyện. Viết bài, cung cấp tin trên phương tiện truyền thông để tuyên truyền quảng bá về tiềm năng du lịch huyện Triệu Sơn. Phối hợp với các cơ quan truyền thông, xây dựng phóng sự giới thiệu về tiềm năng du lịch của huyện.

3.5.2.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

3.5.3. *Nội dung về Giáo dục:*

3.5.3.1. *Yêu cầu của tiêu chí:*

Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn  $\geq 60\%$ .

3.5.3.2. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Năm 2010 trên địa bàn huyện có 7 trường Trung học phổ thông (THPT) gồm: 06 trường công lập (Trường THPT Triệu Sơn 1, Trường THPT Triệu Sơn 2, Trường THPT Triệu Sơn 3, Trường THPT Triệu Sơn 4, Trường THPT Triệu Sơn 5, Trường THPT Triệu Sơn 6) và 01 trường Dân Lập (Trường THPT Triệu

Son). Từ năm 2017 trường THPT Triệu Sơn 6 giải thể, đến nay huyện còn 6 Trường THPT.

Từ năm 2010 đến nay, các trường THPT trên địa bàn đã được tỉnh, huyện tích cực đầu tư xây mới, nâng cấp cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, tăng cường các trang thiết bị, đồ dùng dạy học,... đồng thời hoàn thiện các tiêu chuẩn của trường trung học đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về công nhận kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Hiện nay huyện có 6 trường THPT trong đó 4 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 66,7% (gồm: Trường THPT Triệu Sơn 1, Trường THPT Triệu Sơn 2, Trường THPT Triệu Sơn 5, Trường Phổ thông Triệu Sơn), cụ thể:

- Trường THPT Triệu Sơn thành lập năm 2002 là trường liên cấp từ Tiểu học đến THPT. Năm học 2020-2021 trường có 1.230 học sinh ở 3 cấp học, có 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 48 phòng học, 12 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2021.

- Trường THPT Triệu Sơn 1 thành lập năm 1965, đạt chuẩn Quốc gia năm 2018 theo Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa, được Bộ giáo dục và Đào tạo công nhận là Cơ sở đạt tiêu chuẩn giáo dục cấp độ 3. Năm học 2020-2021 trường có 1.134 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 30 phòng học, 10 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường THPT Triệu Sơn 2 thành lập năm 1968. Năm học 2020-2021 trường có 881 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 26 phòng học, 08 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2021.

- Trường THPT Triệu Sơn 3 thành lập năm 1984. Năm học 2020-2021 trường có 919 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 22 phòng học, 10 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường THPT Triệu Sơn 4 thành lập năm 1998. Năm học 2020-2021 trường có 881 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 26 phòng học, 06 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường THPT Triệu Sơn 5 thành lập năm 2000. Năm học 2020-2021 trường có 865 học sinh ở 3 khối học và 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có 27 phòng học, 08 phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2021

Các trường THPT trên địa bàn huyện có vị trí địa lý phù hợp với hiện trạng phân bố dân cư. Cơ sở vật chất đảm bảo, có đủ số phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, có cây xanh bóng mát, có nhà vệ sinh bố trí riêng cho giáo viên và học sinh đảm bảo yêu cầu. Có hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện lưới, hệ thống công nghệ thông tin kết nối Internet, có Website hoạt động thường xuyên đáp ứng yêu cầu dạy học và quản lý. Hằng năm các nhà trường thường xuyên đầu tư, bổ sung trang thiết bị cho công tác dạy và học từ 100-200 triệu đồng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo duy trì trường đạt chuẩn quốc gia.

3.5.3.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

### **3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất**

#### **3.6.1. Yêu cầu của tiêu chí:**

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 1 trong 2 điều kiện:

- Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo: Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững; các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch.

#### **3.6.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Giai đoạn 2010-2021, huyện Triệu Sơn đã ban hành 04 Chương trình trọng tâm, 01 Chỉ thị, 04 Quyết định, 02 phương án và nhiều văn bản khác để tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp. Những kết quả nổi bật trong sản xuất nông nghiệp của huyện Triệu Sơn đó là:

- *Về trồng trọt:* Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 13.620 ha, trong đó: diện tích đất trồng cây hàng năm 12.120 ha (trong đó, diện tích đất trồng lúa 11.140 ha, đất trồng cây hàng năm khác 980 ha); đất trồng cây lâu năm 1.500 ha. Tổng diện tích gieo trồng năm 2021 đạt 25.010 ha, trong đó: diện tích lúa 18.722 ha; diện tích ngô 1.373,5 ha; diện tích các loại cây trồng khác 4.914,5 ha, tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 119,5 ngàn tấn, tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 1.170 tỷ đồng. Huyện đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản đạt 2.760 ha, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Bước đầu đã hình thành và phát triển được 6 vùng sản xuất tập trung quy mô lớn trong các lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp diện tích 9.130 ha, cụ thể:

(1) Vùng sản xuất lúa: Đến nay toàn huyện có 6.400 ha lúa thuộc vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng hiệu quả cao, tập trung ở 22 xã, thị trấn, sử dụng các giống lúa chủ lực như: Thái xuyên 111, VT 404, RVT, Bắc thơm, BC15, TBR 225 năng suất bình quân đạt 68 tạ/ha;

(2) Vùng sản xuất rau an toàn: Diện tích sản xuất rau toàn huyện duy trì vùng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP với quy mô 50 ha tại 2 xã: Tiến Nông, Dân Lực, sản lượng rau an toàn khoảng 1.500- 2.000 tấn/năm;

(3) Vùng sản xuất hoa cây cảnh: Có 3 vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung với quy mô 250 ha, tập trung tại các xã: Hợp Lý, Vân Sơn, Hợp Tiến,... với nhiều chủng loại cây trồng mang thương hiệu, thế mạnh của huyện như đào cảnh, quất cảnh, hoa, cây cảnh, các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao.

(4) Vùng sản xuất chè: Với quy mô 300 ha tại xã Bình Sơn, năng suất chè khô đạt 0,8 tấn/ha, sản lượng chè khô đạt 240 tấn/năm. Đã xây dựng 02 sản phẩm Trà xanh túi lọc Bình Sơn và chè Bình Sơn đạt chứng nhận OCOP 3 sao.

(5) Vùng sản xuất gỗ nguyên liệu: Xây dựng và phát triển vùng sản xuất gỗ nguyên liệu tập trung với diện tích 2.000 ha rừng trồng tại các xã: Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành,... Sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng đạt bình quân 6.700 m<sup>3</sup> gỗ/năm, giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt 36,876 tỷ đồng.

(6) Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung 130 ha tại các xã Thọ Tiến 20 ha, Xuân Thọ 60 ha, khu nuôi thủy sản trong lồng bè tại Thị trấn Nưa 50 ha). Giá trị sản phẩm trên một ha nuôi trồng thủy sản hàng năm đạt 161,7 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ Biểu 19)*

*- Thực hiện tích tụ, tập trung đất sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao*

Đến nay, toàn huyện đã tích tụ, tập trung có 1.051 ha đất nông nghiệp, trong đó có 40 ha được ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất như mô hình sản xuất rau, dưa trong nhà lưới, nhà màng tại các xã Tiến Nông, Dân Lý, Thọ Dân, Minh Sơn; mô hình trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ tưới và bón phân tự động ở xã Hợp Lý, Thái Hoà...

*- Chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng trọt, nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao*

Đến nay huyện đã chuyển đổi linh hoạt được 2.760 ha đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn, trong đó: ngô 569,15 ha, rau màu 416 ha, hoa cây cảnh 305,9 ha, cây ăn quả 232,9 ha, cây thức ăn gia súc 181,6 ha, thủy sản 607,1 ha, cây hàng năm khác 447 ha. Một số xã có diện tích chuyển đổi lớn như: xã Tiến Nông (57 ha), xã Thọ Bình và xã Triệu Thành (70 ha), xã Hợp Lý (117 ha), xã Xuân Thọ (80 ha)...

*- Chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp:* Huyện đã triển khai thực hiện được 106 chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp sản lượng 36.200 tấn, trong đó: 32 chuỗi cung ứng lúa gạo an toàn tại 20 xã với quy mô 3.100 ha, sản lượng 18.600 tấn/năm; 29 chuỗi cung ứng rau, quả an toàn quy mô 490 ha; sản lượng đạt khoảng 9.800 tấn/năm; 24 chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm an toàn với sản lượng 5.300 tấn/năm; 21 chuỗi cung ứng thủy sản an toàn với sản lượng 2.500 tấn/năm. *(Chi tiết theo Phụ biểu 20).*

Đến nay, huyện đã có 6 sản phẩm được UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao, gồm: Chè sạch Bình Sơn, Trà xanh túi lọc Bình Sơn, Trà cà gai leo túi lọc Bình Sơn, Mật ong bốn mùa hoa rừng nguyên chất, Viên

nang sâm báo Triso, Siro bổ dưỡng sâm báo Triso và 2 sản phẩm muối sấy Anh Vân, muối bột canh Anh Vân đang đề nghị Hội đồng thẩm định sản phẩm OCOP cấp tỉnh công nhận.

- *Về chăn nuôi - Thú y:* Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2021 đạt 617 tỷ đồng, chiếm 30,2% trong cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; tổng đàn trâu, bò năm 2021 đạt 15.350 con, đàn lợn 67.000 con, đàn gia cầm 1,15 triệu con. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 15.500 tấn, trong đó riêng thị lợn đạt khoảng 10.500 tấn, sản lượng trứng gia cầm đạt khoảng 17 triệu quả.

Đến nay, toàn huyện có 214 trang trại, gia trại, huyện đã xây dựng được nhiều mô hình sản xuất quy mô lớn liên kết với các công ty, siêu thị, các cửa hàng thực phẩm để bao tiêu sản phẩm như: Trang trại của ông Nguyễn Xuân Trường và Lê Đức Hiếu tại xã Thọ Bình nuôi gà thịt với quy mô trên 12.000 con/lứa, liên kết với Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Thức ăn Golden Star tỉnh Nghệ An; Doanh thu hàng năm đạt gần 5 tỷ đồng/năm, giải quyết 5 lao động thường xuyên thu nhập bình quân 7-8 triệu đồng/tháng; Trang trại của ông Lê Bá Đức và Lê Bá Thùy tại xã Thái Hòa nuôi lợn thịt ngoại với quy mô 2.000 con/lứa, liên kết với công ty CP và Công ty Thái Dương theo hình thức nuôi gia công.

- *Về lâm nghiệp:* Toàn huyện có 16 xã, thị trấn có rừng; tổng diện tích rừng 4.521,83 ha, trong đó rừng phòng hộ 1.240,85 ha, rừng sản xuất 3.280,98 ha. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2021 trên địa bàn huyện 11,6%; giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2021 đạt 36,876 tỷ đồng. Do làm tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng nên trong những năm qua không để xảy ra cháy rừng, phá rừng trái pháp luật, an ninh rừng được giữ vững, diện tích rừng sản xuất đã mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cho người dân.

- *Về thủy sản:* Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện là 733 ha (trong đó, có 01 vùng nuôi cá nước ngọt diện tích 130 ha tại xã Xuân Thọ và thị trấn Nưa), sản lượng thủy sản trên địa bàn huyện đạt năm 2021 đạt 2.020 tấn. Giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 72,7 tỷ đồng.

- *Về áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong các khâu sản xuất trồng trọt, chăn nuôi*

Trong những năm qua, huyện đã tập trung chỉ đạo đưa cơ giới hóa vào sản xuất một cách mạnh mẽ, đồng bộ. Đến nay, trên địa bàn huyện có 115 máy gặt đập liên hợp, 41 cơ sở mạ khay, 133 máy cấy, trên 150 máy làm đất cỡ lớn; 100% diện tích gieo trồng được cơ giới hóa khâu làm đất và thu hoạch, có 50% diện tích sử dụng mạ khay và cấy máy. Ngoài ra, các khâu bóc tách hạt, vận chuyển, gieo hạt, bảo quản, chế biến từng bước được cơ giới hóa do vậy đã góp phần giảm áp lực lao động nông nghiệp, giảm chi phí nhân công đầu vào trong sản xuất.

Trong chăn nuôi 100% các trang trại chăn nuôi đều áp dụng phương thức xây dựng chuồng kín, sử dụng máng ăn, máng uống tự động, bán tự động phối trộn, cung cấp thức ăn, sử dụng hệ thống làm mát, chống nóng, chuồng nuôi khép kín và điều tiết nhiệt độ.

- *Về công tác an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp:*

Huyện đã triển khai xây dựng các mô hình sản xuất an toàn thực phẩm như sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap quy mô 50 ha tại các xã Dân Lý, Tiến Nông; sản xuất chè theo tiêu chuẩn Việt Gap quy mô 10 ha tại xã Bình Sơn, sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGap quy mô 550 ha; thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo ATVSTP; tổ chức giám sát hoạt động sản xuất tại cộng đồng; kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm soát vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm; tập huấn nâng cao kiến thức cho người sản xuất, tuyên truyền về ATTP, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất...Đến nay toàn huyện đã có 34/34 xã, thị trấn được UBND tỉnh công nhận xã An toàn thực phẩm.

3.6.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

### **3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường**

3.7.1. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- 100% các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

3.7.2. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số 31/NQ-HĐND, ngày 25/12/2017 về cơ chế khuyến khích hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2018- 2021. UBND huyện đã ban hành đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 5687/QĐ-UBND, ngày 29/9/2021. Huyện tập trung tăng cường chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường, cụ thể: Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện công tác vệ sinh môi trường, ban hành, chỉ đạo nhiều văn bản liên quan đến quản lý môi trường và văn bản chỉ đạo trực tiếp tiêu chí số 17 về môi trường đối với các xã NTM và tiêu chí số 7 về môi trường thuộc tiêu chí huyện NTM đến nay kết quả đạt được như sau:

3.7.2.1. *Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn:*

- Về thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường:

Huyện Triệu Sơn có 32 xã và 2 thị trấn (trước ngày 01/12/2019 là 35 xã và 01 thị trấn); dân số 204.379 người; lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tính bình quân 01 khẩu (đô thị: 1,0kg/ngày, nông thôn: 0,5 kg/ngày); toàn huyện ước tính tổng lượng rác phát sinh khoảng 121 tấn/ngày. Năm 2020, tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt của huyện đạt 92,0%, năm 2021 dự ước đạt 95,0% (thị trấn đạt 97,4%; các xã đạt khoảng 94,7%). Lượng rác trung bình thu gom, xử lý khoảng 115 tấn/ngày. Do người dân đã phân loại, tận dụng những rác thải có nhóm hữu cơ để làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ nhờ đó lượng rác thải thu gom đã giảm đi nhiều, trung bình thu gom được xử lý khoảng 86,8 tấn/ngày.

Để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt đúng quy định, huyện Triệu Sơn đã quy hoạch 132 trạm trung chuyển tại các xã, thị trấn điểm trung chuyển, tập kết rác, đầu tư nâng cấp, cải tạo 36 khu xử lý tại các xã; đầu tư khu xử lý tập trung toàn huyện từ nguồn ngân sách huyện, huy động từ cấp trên và xã hội



hóa tại xã Vân Sơn - Thái Hòa (công suất 100 tấn/ngày). Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung (bãi chôn lấp) của các xã được định kỳ phun chế phẩm, rắc vôi bột; chôn lấp rác thải theo hình thức cuốn chiếu và phủ lớp đất bề mặt.

Toàn huyện có 34 tổ vệ sinh làm nhiệm vụ thu gom từ chủ nguồn thải đến khu xử lý, sử dụng 46 xe kéo, 350 xe gom rác đẩy tay, 03 xe ben tải nhỏ, 08 công nông và sử dụng 02 xe chuyên dụng của các công ty sử dụng cho các đơn vị ký hợp đồng thu gom, xử lý. Nguồn thanh toán từ thu giá dịch vụ của các chủ nguồn thải, hộ gia đình và bù đắp từ ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã theo quy định 34/34 xã, thị trấn đã thu giá dịch vụ theo quy định với tỉ lệ thu đạt trên 95%.

- Chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, may mặc, cơ khí, sản xuất phân bón... trên địa bàn các xã đều ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường. Riêng chất thải nguy hại (CTNH) tại các cơ sở có phát sinh CTNH, yêu cầu chủ cơ sở phải có nhà kho lưu giữ, thiết bị lưu chứa CTNH và dán mã CTNH theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý và nộp chứng từ CTNH về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại đồng ruộng: UBND huyện đã ban hành kế hoạch về thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại đối với các chủ nguồn chất thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh dưới 600kg/năm trên địa bàn huyện. Hướng dẫn, chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện theo đúng Thông tư số 05/2016/TTLT - BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hướng dẫn số 2828/HD-STNMT ngày 10/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa; giao cho Hội nông dân là lực lượng nòng cốt trong việc lắp đặt bể chứa và thu gom tại địa phương. Hiện bao bì hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng của 32 xã và 2 thị trấn được thu về 3.600 bể chứa được lắp đặt đúng quy cách và thuận tiện trong quá trình sử dụng, thu gom. Tổng lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện phát sinh khoảng 8.500kg/năm, UBND huyện đã hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường công nghệ cao Hòa Bình để xử lý với tần suất 1 lần/năm. Không còn tình trạng bao bì thuốc bảo vệ thực vật vương vãi trên bờ ruộng.

- Đối với chất thải y tế: Trên địa bàn có 89 cơ sở y tế (gồm Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm y tế huyện và 34 trạm y tế và 53 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân). Chất thải y tế phát sinh khoảng 90.520 kg/năm. Trong đó chất thải y tế thông thường khoảng 36.208 kg/năm được phân loại bán cho cơ sở tái chế phế liệu, một phần được xử lý như chất thải sinh hoạt thông thường, chất thải y tế lây nhiễm khoảng 54.312 kg/năm được vận chuyển về khu xử lý chất thải y tế của Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn để xử lý (theo Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh về kế hoạch quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020).

UBND huyện đã đầu tư khu xử lý chất thải rắn tập trung tại 2 xã: Vân Sơn, Thái Hòa, quy mô giai đoạn đầu đến năm 2025 là 05 ha, giai đoạn tiếp theo là 20 ha. Hiện dự án đang thực hiện các bước thủ tục để giải phóng mặt bằng, dự kiến đi vào hoạt động năm 2023.

*3.7.2.2. 100% các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường*

Toàn huyện có 5.103 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường (BVMT), 100% cơ sở có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo đạt các quy định về BVMT. Trong đó gồm 181 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản) cụ thể:

+ 45 dự án, bao gồm: 04 dự án về hạ tầng, 06 dự án về khoáng sản, 04 dự án về chăn nuôi, 31 dự án về sản xuất và dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ 136 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND huyện.

+ Còn lại là các cơ sở sản xuất nhỏ, kinh doanh nhỏ lẻ (dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng, nhà hàng ăn uống, nuôi trồng thủy sản hộ gia đình...), các cơ sở này đều đã ký cam kết với các xã về việc chấp hành các quy định về BVMT đã được các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát thường xuyên theo thẩm quyền.

Hàng năm huyện đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các nội dung đã cam kết của các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xử lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh có hành vi vi phạm; phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an môi trường thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở thực hiện theo đúng cam kết về môi trường. Qua kiểm tra, giám sát đã hướng dẫn các cơ sở thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và xử lý các cơ sở có các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản: Trên địa bàn huyện có 385 cơ sở chuyên nuôi trồng thủy sản. Trong đó: 137 cơ sở nuôi thâm canh, bán thâm canh có diện tích nuôi trồng từ 1,2-3,5 ha tại các xã Xuân Thọ, Thọ Ngọc, thị trấn Nưa... (đã có Đề án BVMT đơn giản được Chủ tịch UBND huyện xác nhận). Còn lại các cơ sở nuôi nhỏ lẻ có diện tích ao nuôi từ 0,03 ha trở lên. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã thực hiện vệ sinh ao nuôi thủy sản định kỳ; không sử dụng thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

Đối với các trang trại chăn nuôi tập trung: Trên địa bàn huyện có 214 trang trại, gia trại chăn nuôi, trang trại tổng hợp, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả, trong đó có 15 trang trại thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường (04 trang trại thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; 11 trang trại thuộc đối tượng lập Kế hoạch BVMT được Chủ tịch UBND huyện xác nhận theo quy định), còn lại 199 trang trại có quy mô nhỏ hoặc trang trại sinh thái không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường theo quy định. Tất cả các trang trại đều được xây dựng theo đúng quy chuẩn bảo vệ môi trường, được quy hoạch tại các khu cách biệt với khu dân cư nên không gây ô nhiễm môi trường đến nhân dân, 100% các trang trại đều được xây dựng hầm bioga hoặc sử dụng đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi.

- Toàn huyện có 07 làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh Thanh Hoá công nhận, cụ thể: 01 làng nghề nón lá tại các xã Xuân Lộc, 04 làng nghề hoa cây cảnh tại xã Hợp Lý, 01 làng nghề chổi đót tại xã Thọ Sơn và 01 Làng nghề truyền thống chế tác đá tại xã Đồng Thắng. Các làng nghề đã thành lập các tổ chức tự quản về môi trường và ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất. Nước thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt được xử lý qua các bể tự hoại trước khi thải ra môi trường.

- Trên địa bàn huyện có 02 cụm công nghiệp (CCN) đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập, gồm: CCN Hợp Thắng và CCN liên xã Dân Lý, Dân Lực, Dân Quyền; CCN Hợp Thắng được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2153/QĐ-UBND, ngày 22/6/2021; CCN liên xã Dân Lý, Dân Lực, Dân Quyền được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Hàng năm huyện đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các nội dung đã cam kết của các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xử lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh có hành vi vi phạm; phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an môi trường thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở thực hiện theo đúng cam kết về môi trường. Qua kiểm tra, giám sát đã hướng dẫn các cơ sở thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và xử lý các cơ sở có các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

*3.7.3. Tự đánh giá: Đạt.*

### **3.8. Tiêu chí số 8 về An ninh, trật tự xã hội**

*3.8.1. Yêu cầu của tiêu chí:*

Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

*3.8.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

*3.8.2.1. Hàng năm, Huyện ủy ban hành Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc:*

Hàng năm, Huyện ủy ban hành nghị quyết, UBND huyện ban hành kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự (ANTT) trên địa bàn; ban hành các văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp trong công tác đảm bảo ANTT, trong các dịp Lễ, Tết, các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và địa phương.

*3.8.2.2. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật:*

Trong những năm qua, tình hình ANTT trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, không hình thành điểm nóng phức tạp về ANTT. Huyện đã chỉ đạo Công an huyện chủ động nắm chắc tình hình trên các lĩnh vực an ninh chính trị, an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn, an ninh nội bộ, an ninh văn hóa - tư tưởng... Kịp thời phát hiện các âm mưu phá hoại, kích động biểu tình gây rối an ninh trật tự; các mâu thuẫn, thác mắc khiếu kiện của nhân dân, trong các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền, Công an cấp trên có biện pháp chỉ đạo, giải quyết, giữ

vững ANCT và TTATXH trên địa bàn:

Từ năm 2018 đến nay, trên địa bàn huyện Triệu Sơn không xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Công an huyện đã chủ động nắm tình hình tham mưu cho cấp ủy, chính quyền vào cuộc chỉ đạo, giải quyết kịp thời 04 điểm khiếu kiện phát sinh trong nhân dân (Minh Sơn, Vân Sơn, Tiến Nông, Dân Quyền); 03 điểm mua bán, hiến nhượng, xây dựng công trình liên quan đến tôn giáo (Hợp Thắng, Dân Quyền, TT. Nura, Minh Châu); 03 vụ đình công, 03 vụ chuẩn bị đình công và 01 vụ chuẩn bị biểu tình phản đối Luật Đặc khu và Luật An ninh mạng. Trên địa bàn Triệu Sơn hiện không có các điểm khiếu kiện phức tạp, nổi cộm, kéo dài mà cấp ủy, chính quyền phải tập trung giải quyết.

*3.8.2.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước:*

Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện được kiểm chế và giảm so với các năm trước; không để hình thành các ổ, nhóm tội phạm hình sự hoạt động phức tạp, các điểm ma túy phức tạp được đấu tranh triệt xóa; điều tra phá án đạt tỉ lệ cao:

- Năm 2018, xảy ra 124 vụ việc về ANTT (Giảm 08 vụ = 8,4% so với năm 2017); trong đó phạm pháp hình sự xảy ra 104 (giảm 09 vụ = 6,8% với năm 2017), điều tra làm rõ 89/104 vụ (Đạt tỷ lệ 85,5 %).

- Năm 2019, xảy ra 115 vụ việc về ANTT (Giảm 09 vụ = 7,3% so với năm 2018); trong đó phạm pháp hình sự xảy ra 95 (giảm 09 vụ = 8,7% với năm 2018), điều tra làm rõ 83/95 vụ (Đạt tỷ lệ 87,3%).

- Năm 2020, xảy ra 109 vụ việc về ANTT (Giảm 06 vụ = 5,3% so với năm 2019); trong đó phạm pháp hình sự xảy ra 89 vụ (giảm 06 vụ = 6,4% với năm 2019), điều tra làm rõ 77/89 vụ (Đạt tỷ lệ 86,5%).

- Tính đến tháng 10/2021, xảy ra 72 vụ ANTT, trong đó phạm pháp hình sự xảy ra 57 vụ (giảm 06 vụ = 9,5% so với cùng kỳ năm 2020).

- Số người nghiện trên địa bàn giảm, hiện còn: 142 người nghiện (năm 2018 là 288 đối tượng, năm 2019 là 268 đối tượng, năm 2020 là 230 đối tượng). Huyện đã chỉ đạo Công an huyện phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; lập hồ sơ, phối hợp cùng gia đình, địa phương cai nghiện cho các đối tượng và đưa đối tượng đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tệ nạn bài bạc, số đề, mại dâm được ngăn ngừa và đấu tranh xử lý nghiêm; Triệu Sơn hiện không có tụ điểm phức tạp về ma túy.

*3.8.2.4. Lực lượng công an huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương:*

- Những năm qua, tình hình ANTT trên địa bàn huyện luôn được giữ vững ổn định, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, hình thành điểm nóng phức tạp về ANTT. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện được kiểm chế và giảm so với các năm trước; không để hình thành các ổ, nhóm tội phạm hình sự hoạt động phức tạp, các điểm ma túy phức tạp được đấu tranh

triệt xóa. Đặc biệt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển mạnh mẽ, sâu rộng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm (từ năm 2018 đến nay, Công an huyện đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo xây dựng, ra mắt và duy trì hoạt động hiệu quả đối với 13 mô hình tự quản về ANTT; hiện nay Công an huyện đang tập trung tham mưu cho Ban chỉ đạo 138 huyện chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 121/KH-BCĐ ngày 24/5/2021 của Ban chỉ đạo 138 tỉnh về xây dựng điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; chỉ đạo mỗi xã, thị trấn xây dựng, ra mắt ít nhất 01 mô hình, Công an huyện ít nhất 02 mô hình tự quản về ANTT). Kết quả trên đã góp phần tích cực vào sự ổn định chính trị - xã hội, phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn; được cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

- Từ năm 2018 đến nay, lực lượng công an huyện luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao: 02 năm liền (2017 và 2018), Công an huyện được Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Công an tặng “Cờ thi đua” đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua Vì an ninh Tổ quốc cấp cơ sở; năm 2020, được Giám đốc Công an tỉnh tặng danh hiệu thi đua “Đơn vị quyết thắng”.

- Hiện nay tổng số lực lượng công an trên địa bàn huyện là 265 đồng chí. Trong đó công an huyện 93 đồng chí, lực lượng công an xã, thị trấn chính quy là 172 đồng chí (34 Trưởng công an xã, 36 Phó Trưởng Công an và 102 công an viên) 227 đồng chí công an viên bán chuyên trách. Hằng năm, Công an tỉnh, Công an huyện tập huấn nghiệp vụ cho Công an viên bán chuyên trách, Tổ bảo vệ ANTT, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ an ninh xã hội đảm bảo chất lượng, hiệu quả và góp phần xây dựng lực lượng công an xã ngày càng trong sạch, vững mạnh

- Tính đến nay huyện Triệu Sơn không còn xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

*3.8.3. Tự đánh giá: Đạt.*

### **3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng NTM**

#### *3.9.1. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối chương trình NTM cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

#### *3.9.2. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện Triệu Sơn giai đoạn 2010-2020 được thành lập theo Quyết định số 179 -QĐ/HU ngày 10/11/2011 của Ban Thường vụ Huyện ủy; giai đoạn 2020-2025 được thành lập theo Quyết định số 197 -QĐ/HU ngày 09/10/2020 gồm 36 thành viên, do Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban.

Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của trung ương, tỉnh, hướng dẫn các xã thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy xây

dựng NTM; chỉ đạo duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM tại các xã; chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện NTM trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc huy động đóng góp tiền của, công sức của nhân dân tham gia xây dựng NTM, tránh tình trạng huy động quá sức dân. Tại hội nghị tổng kết 10 năm về Chương trình xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa, huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen cho 5 cá nhân, 5 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng NTM của huyện.

Văn phòng Điều phối NTM được thành lập theo Quyết định số 4017/QĐ-UBND ngày 9/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn và hoạt động đúng quy định theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014, Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối NTM các cấp. Hiện nay Văn phòng Điều phối NTM huyện đã được kiện toàn theo Quyết định số 8636/QĐ-HU ngày 10/11/2020 với 11 thành viên, gồm: Chánh Văn phòng Điều phối NTM là Phó Chủ tịch UBND huyện; Phó Chánh văn phòng là Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, 1 thành viên chuyên trách và 8 thành viên kiêm nhiệm là cán bộ và chuyên viên của các phòng ban thuộc UBND huyện.

3.9.3. *Tự đánh giá:* Đạt.

## **V. TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NTM**

Trong quá trình triển khai xây dựng NTM, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quản lý chặt chẽ, từ việc xác định nhu cầu đầu tư, xây dựng kế hoạch, đặc biệt là thẩm định nguồn vốn để đảm bảo khả năng thanh toán, thực hiện nghiêm túc quy định của nhà nước về thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách. Đến 30/9/2021, huyện Triệu Sơn không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt đã làm được**

Sau 11 năm thực hiện, đến nay kết quả chương trình xây dựng NTM của huyện đã đạt được những kết quả nổi bật:

- Nhận thức của cán bộ và nhân dân đã chuyển đổi theo hướng từ tư duy coi Chương trình là một dự án đầu tư của nhà nước sang tư duy nội sinh lấy sức dân là chính, chủ thể của chương trình là người dân nông thôn, nhà nước đóng vai trò hỗ trợ. Thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, huy động được cả xã hội chung sức xây dựng NTM.

- Kinh tế liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao, sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư phát triển mạnh, hình thành nhiều mô hình, vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với liên kết tiêu thụ nông sản, giá trị sản phẩm thu nhập trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 124,3 triệu đồng, gấp 1,46 lần năm 2010; công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đã có bước đột phá lớn trở thành động lực cho tăng trưởng giá trị sản xuất của huyện; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng đồng bộ; thu nhập bình quân đầu người

tăng gấp 3,62 lần năm 2010 (riêng khu vực nông thôn gấp 3,72 lần), tỉ lệ hộ nghèo giảm 23,77% so với năm 2010 đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, khởi sắc hơn, thực sự đã trở thành miền quê đáng sống.

- Truyền thống hiếu học và văn hóa của quê hương được duy trì và ngày càng phát triển, có 104/108 trường từ Mầm Non đến THPT đạt chuẩn quốc gia, chất lượng giáo dục luôn đứng trong tốp đầu của tỉnh; chất lượng chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho nhân dân ngày càng được cải thiện; số lao động có việc làm thường xuyên và số lao động được đào tạo liên tục tăng qua các năm; các di tích lịch sử văn hóa được tôn tạo và phát huy, tệ nạn xã hội được kiểm soát và đẩy lùi, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao ngày càng phát triển.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, dân chủ ở cơ sở được phát huy, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển mạnh; luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; trên địa bàn không có trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự; lực lượng công an, quân sự ngày càng được nâng cao về chất lượng và trách nhiệm, gắn bó với nhân dân, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở ngày càng được xây dựng vững mạnh toàn diện; đội ngũ cán bộ công chức luôn được đào tạo bồi dưỡng cập nhật kiến thức lý luận, chuyên môn và thực tiễn, hoạt động tích cực, gần dân, sát dân hơn đã làm nòng cốt trong quá trình xây dựng NTM.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Khi bắt đầu xây dựng NTM, một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân chưa nhận thức đầy đủ, chưa tích cực chủ động trong xây dựng NTM, còn có tư tưởng so bì, thiếu sự quyết tâm trong huy động nguồn lực, đóng góp công sức, hiến đất,... nên phong trào ở một số thôn, xã chưa thực sự nổi bật.

- Kinh tế tuy đã tăng trưởng vượt bậc so với giai đoạn trước nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện; việc áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất còn chưa rộng rãi nên chưa tạo ra nhiều giá trị gia tăng trong các ngành hàng, sản phẩm trên địa bàn huyện; việc tích tụ ruộng đất để sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn còn hạn chế.

- Một số công trình, thiết chế văn hóa tại xã, thôn chưa được khai thác, sử dụng có hiệu quả như nhà văn hóa, khu thể thao xã, thôn chưa tổ chức các hoạt động tại cộng đồng thường xuyên, chưa tạo được phong trào mang tính rộng khắp.

- Sau khi đạt chuẩn NTM một số xã có biểu hiện thỏa mãn, không tập trung nâng cao chất lượng tiêu chí, chưa đẩy mạnh xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu nên đến nay toàn huyện mới có 3 xã NTM nâng cao, chưa có xã nào đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

### **2.2. Nguyên nhân**

- Huyện có xuất phát điểm thấp, bắt đầu xây dựng NTM, bình quân tiêu chí toàn huyện chỉ đạt 5,3 tiêu chí/xã, cơ sở hạ tầng nhiều xã còn khó khăn, tỷ lệ

hộ nghèo còn cao (chiếm 24,7%), thu nhập bình quân đầu người thấp. Huyện có số lượng xã xây dựng NTM nhiều, trong đó có tới 4 xã miền núi và một số xã không có vị trí thuận lợi để phát triển kinh tế và thu hút đầu tư.

- Xây dựng NTM là Chương trình và nhiệm vụ mới đối với đội ngũ cán bộ, công chức huyện, xã, lại chưa được đào tạo trước cả lý luận và thực tiễn, phải vừa làm, vừa học vừa rút kinh nghiệm nên trong những năm đầu còn lúng túng chưa xác định rõ được các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, phương pháp, lộ trình thực hiện, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh xây dựng NTM.

- Kinh phí để thực hiện Chương trình xây dựng NTM đòi hỏi lớn, một số tiêu chí cần nguồn lực nhiều, song thu ngân sách ở một số xã đạt thấp đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các tiêu chí. Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hạn chế và chưa kịp thời; nguồn lực nhân dân có hạn, lại phải đóng góp xây dựng hầu như tất cả công trình ở thôn gây khó khăn cho việc lập, xây dựng kế hoạch và huy động nguồn vốn để thực hiện Chương trình.

### 3. Bài học kinh nghiệm

*Một là:* Công tác chỉ đạo điều hành phải quyết liệt, phân công công việc cụ thể đến từng thành viên Ban Chỉ đạo, các cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị xã hội; phân công phải rõ người, rõ việc theo bám công việc và chịu trách nhiệm đến khâu cuối cùng, khi có vướng mắc cần kịp thời báo cáo để xem xét, giải quyết. Người đứng đầu địa phương, đơn vị phải quy tụ được sự đoàn kết, đồng thuận của nhân dân, gây dựng được phong trào "toàn dân chung sức xây dựng NTM", xây dựng NTM phải bằng tư duy tiên bộ, hành động thực tiễn, hiệu quả và thiết thực, nói phải đi đôi với làm.

*Hai là:* Công tác tuyên truyền về Chương trình xây dựng NTM phải sâu rộng, xuyên suốt từ lãnh đạo đến người dân thấm nhuần cùng nhau vào cuộc với phương châm xây dựng NTM “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” đồng thời kêu gọi sự vào cuộc của các doanh nghiệp, tranh thủ các chương trình, dự án lồng ghép trong xây dựng NTM.

*Ba là:* Công tác xây dựng cơ chế phải thật cụ thể, sát đúng với từng địa phương, từng tiêu chí để tạo động lực cho địa phương thực hiện cũng như tạo vốn kích cầu để thu hút các nguồn vốn khác. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá, huy động tối đa các nguồn lực trong nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để tạo nguồn lực xây dựng NTM ở các địa phương.

*Bốn là:* Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, minh bạch trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM; khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém, uốn nắn ngay những lệch lạc để xây dựng NTM không trở thành điểm nóng, không để chính quyền xa dân mà phải hướng đến phục vụ nhân dân tốt hơn thông qua sự hài lòng của người dân.

*Năm là:* Tranh thủ tối đa sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ủng hộ của Trung ương, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và các Sở, ban ngành cấp tỉnh đối với Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện.



## VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NTM

### 1. Quan điểm chỉ đạo

Xác định xây dựng NTM có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc; xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị quan trọng, xuyên suốt của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng quy mô lớn - công nghệ cao, có hình thức tổ chức sản xuất và cơ cấu kinh tế hợp lý; phát triển giáo dục, y tế theo hướng chất lượng cao và chuẩn hóa, xã hội hóa; giữ gìn phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, xây dựng con người văn hóa, gia đình, làng, xã văn hóa; tiếp tục chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện đủ sức lãnh đạo nhân dân xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, hướng đến đô thị hóa nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

### 2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện xây dựng NTM phát triển toàn diện, bền vững đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn. Tiếp tục thực hiện hiệu quả xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, huyện NTM theo Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 24/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025 là một trong những huyện dẫn đầu của tỉnh. Cụ thể:

### 3. Các chỉ tiêu chủ yếu

#### 3.1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 16,2% trở lên, trong đó: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%; công nghiệp - xây dựng tăng 18,7%; dịch vụ tăng 15,6%.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 75 triệu đồng.
- Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm giữ ở mức 122 nghìn tấn.
- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025 đạt 1.200 ha (trong đó ứng dụng công nghệ cao 140 ha).
- Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 150 triệu đồng.
- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển 5 năm đạt 20.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ tăng thu ngân sách hàng năm so với dự toán tình giao (không bao gồm tiền sử dụng đất) từ 15% trở lên.
- Tổng số doanh nghiệp mới được thành lập thời kỳ 2021 - 2025 đạt 450 doanh nghiệp trở lên.

- Đến năm 2025 có 15 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 46,88%, 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, chiếm 12,5%, 15 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, chiếm 6,55%.

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 20%.

- Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính quốc lộ và tỉnh lộ) được cứng hóa đến năm 2025 đạt 98%.

### **3.2. Về văn hóa - xã hội**

- Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm dưới 0,7%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2025 còn 23%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 đạt 80% trở lên.

- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm năm 2025 đạt 100% (tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí nâng cao là 30%).

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đạt 95% trở lên.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2025 còn dưới 8%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số năm 2025 đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt trên 96%.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm bình quân hằng năm từ 2% trở lên.

- Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2025 đạt 26% trở lên.

### **3.3. Về môi trường**

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ổn định 11,8%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2025 đạt 100%; trong đó được dùng nước sạch đạt 75% trở lên.

- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch năm 2025 đạt trên 95%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 95%.

### **3.4. Về an ninh trật tự**

- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 đạt 80% trở lên.

## **3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM**

Các xã tiếp tục huy động các nguồn lực để nâng cao các tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025. Theo đó, huyện tập trung triển khai xây dựng NTM gắn với quá trình đô thị hoá; đồng thời xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở huyện, xã được bền vững.

### **3.1. Về quy hoạch**

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch. rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung xây dựng xã, các quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất của huyện đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy hoạch xây dựng vùng huyện đến

năm 2045. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quản lý trật tự xây dựng để kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm, triệt để các hành vi phạm; cương quyết phá dỡ, tổ chức cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng không phép, sai quy hoạch, sai phép để răn đe, ngăn ngừa các hành vi vi phạm khác.

### **3.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội**

#### **3.2.1. Giao thông:**

Tiếp tục huy động các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện theo hướng phát triển đô thị, phấn đấu đến năm 2025 toàn huyện có tối thiểu 12 km đường đô thị từ 4 đến 6 làn xe; phân cấp nhiệm vụ quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống đường giao thông nông thôn cho các xã, cải tạo nâng cấp một số tuyến đường xã thành đường đôi và thảm nhựa; lập kế hoạch cân đối, bố trí ngân sách cho công tác quản lý bảo trì giao thông nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương. Hoàn thiện hệ thống cọc tiêu, biển báo giao thông; quản lý tốt hành lang an toàn giao thông, tải trọng phương tiện tại các tuyến đường; tuyên truyền, phổ biến Luật Giao thông và vận động người dân chấp hành Luật và ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông.

#### **3.2.2. Thủy lợi:**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/1/2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, Luật Thủy lợi, Luật phòng chống thiên tai. Thực hiện rà soát, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi, nâng cấp, sửa chữa các công trình đã xuống cấp, đầu tư thêm các công trình phục vụ tưới tiêu tại các vùng khó tưới nhằm đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động để đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM. Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ công trình; xây dựng kế hoạch tưới, tiêu khoa học, áp dụng công nghệ cao tưới tiết kiệm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, và dân sinh trên địa bàn; Huy động mọi nguồn lực, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, bảo vệ sản xuất và đời sống nhân dân, đầu tư một số công trình trọng điểm như: Hệ thống tiêu Nổ hèn; kênh tiêu Tân - Dân - Thê; Trạm bơm tiêu Đồng Quai (xã Thọ Tân), Trạm bơm tiêu Thọ Lộc, (xã Đồng Lợi).

#### **3.2.3. Điện nông thôn:**

Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, chỉnh trang mạng lưới điện nông thôn, đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân và đảm bảo mỹ quan nông thôn. Bổ sung thêm các trạm biến áp để đảm bảo công suất, chống quá tải đối với các khu vực phát triển sử dụng điện tăng nhanh.

#### **3.2.4. Trường học:**

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để 2 trường THPT còn lại trong huyện đạt chuẩn trong năm 2022 để đạt tỷ lệ 100% số trường đạt chuẩn quốc gia; nâng chuẩn mức độ 2 đối với các trường mầm non, tiểu học đã chuẩn mức độ 1, đạt chuẩn sau 5 năm. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, xây dựng cảnh quan, khuôn viên nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

### 3.2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

Tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn xã hội hóa để đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các công trình văn hóa, thể thao của huyện theo quy hoạch, gắn với đầu tư đồng bộ các thiết bị chuyên dùng để đảm bảo tính hiệu quả của các công trình.

Tăng cường quản lý các thiết chế văn hóa sau khi được đầu tư xây dựng, khai thác hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu của người dân. Quan tâm đến việc bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện gắn với khai thác tốt các di tích với hoạt động du lịch thông qua kết nối các tua, tuyến, điểm đến thăm quan. Làm tốt công tác tuyên truyền đến các cấp ủy, chính quyền và toàn thể nhân dân để nâng cao nhận thức về vai trò, vị thế của văn hóa trong đời sống và đưa hoạt động văn hóa thực sự đi vào cuộc sống nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội.

### 3.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư hoàn thiện, nâng cấp các chợ nông thôn trên địa bàn huyện theo quy hoạch, chuyển đổi mô hình quản lý chợ, đến năm 2025 đảm bảo tất cả các chợ được chuyển đổi cho doanh nghiệp quản lý. Thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư vào đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích tại Thị trấn Triệu Sơn, Thị trấn Nưa, các đô thị mới và các xã không có chợ nhằm đáp ứng hàng hóa phục vụ nhu cầu của nhân dân.

## 3.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất

Triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển kinh tế tập thể. Trong đó, thực hiện có hiệu quả về kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025; chú trọng phát triển nhân rộng mô hình HTX kiểu mới.

Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và mọi người dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và xây dựng NTM trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng NTM và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Cơ cấu lại sản xuất theo vùng nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm; giải quyết xử lý chất thải trong quá trình sản xuất để bảo vệ môi trường sống của người dân nông thôn.

Đẩy mạnh đổi mới, phát triển các HTX, tổ hợp tác nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức liên kết giữa nông dân, tổ chức hợp tác của nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản để nâng cao thu nhập cho người dân và chuyển đổi cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ.

Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển công nghiệp, ngành nghề dịch vụ ở nông thôn đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động nhằm nâng cao hiệu quả lao động, tăng thu nhập, chất lượng đời sống người dân khu vực nông thôn.

Tăng cường đầu tư, ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tổn thất sau thu hoạch, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (chương trình OCOP) để phát triển các sản phẩm truyền thống, làng nghề, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong cộng đồng gắn với thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn từng xã và toàn huyện.

### ***3.4. Văn hóa, y tế, giáo dục và môi trường***

#### ***3.4.1. Văn hóa:***

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các thôn, làng để phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng gia đình văn hóa gắn với xây dựng làng văn hóa; giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; quản lý tốt các di tích lịch sử, văn hoá. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch bằng việc kết nối thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các xã, thị trấn trong huyện.

#### ***3.4.2. Giáo dục và Đào tạo:***

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, tiếp nối truyền thống hiếu học của quê hương, giữ vững là đơn vị dẫn đầu trong ngành giáo dục của tỉnh. Duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở, nâng cao tỉ lệ trẻ đến lớp Mẫu giáo đạt 100%, nhà trẻ đạt 100%. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông, tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

#### ***3.4.3. Y tế:***

Duy trì và nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn quốc gia về y tế, hoạt động của Trạm y tế xã, Trung tâm Y tế huyện, Bệnh viện đa khoa huyện nhằm nâng cao chất lượng phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân, tiến tới nâng tỉ lệ người dân có bảo hiểm y tế đạt 100%.

#### ***3.4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm:***

Đưa nội dung bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm vào cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”; đưa tiêu chí nước sạch, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm vào hương ước, quy ước, coi đây là

một tiêu chuẩn thi đua, là tiêu chí xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

Thực hiện Kế hoạch số 4090/KH-UBND ngày 19/10/2020 của UBND huyện về thực hiện Chỉ thị số 18-CT/HU ngày 30/6/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2020-2025 với mục tiêu 100% số xã thị trấn đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp và hoàn thành vượt mức kế hoạch, trọng tâm là trồng cây, đường hoa, đường điện ánh sáng, rãnh nước khu dân cư có nắp đậy, xây dựng vườn mẫu, chỉnh trang cảnh quan, làm vệ sinh môi trường định kỳ.

Thường xuyên phát động và tổ chức phong trào toàn dân làm vệ sinh môi trường vào ngày chủ nhật hàng tuần. Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường chăm sóc hoa, cây cảnh, bảo dưỡng hệ thống đường điện chiếu sáng trên các tuyến đường. Tổ chức thu gom, xử lý rác thải dọc các tuyến đường giao thông các tuyến kênh, tuyến đê trong và ngoài khu dân cư một cách thường xuyên. Duy trì việc thu gom, xử lý rác thải dân cư, rác thải công nghiệp, rác thải y tế, rác thải độc hại theo quy định.

Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa công nghệ xử lý rác thải tại các bãi rác tập trung của huyện; di dời các bãi rác theo quy hoạch được duyệt.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước của cấp huyện và xã về ATTP theo phân cấp. Đảm bảo các sản phẩm thực phẩm khi lưu thông trên thị trường có nguồn gốc xuất xứ, các chợ và cửa hàng đảm bảo ATTP, các cơ sở kinh doanh, bếp ăn tập thể đảm bảo ATTP. Phấn đấu đến 31/12/2021 có 100% số xã, thị trấn đạt tiêu chí ATTP của tỉnh Thanh hóa, sau đó duy trì đảm bảo và nâng cao chất lượng tiêu chí.

### ***3.5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự***

Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ nhằm phát huy tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Xây dựng hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vì dân, sát dân. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh toàn diện, đội ngũ cán bộ công chức có đủ năng lực, trình độ, mẫn cán trong thực thi công vụ tiếp tục lãnh đạo nhân dân xây dựng NTM trong giai đoạn tới.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, hình thành các điểm nóng.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng công an,

quân sự vững mạnh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội làm cơ sở, nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

#### **4. Một số giải pháp chủ yếu**

##### ***4.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo***

Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM quán triệt và thực hiện hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã đến thôn. Phân công cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo, định kỳ hàng quý Ban Chỉ đạo các cấp tiến hành giao ban đánh giá hoạt động, kết quả lãnh chỉ đạo; xây dựng lộ trình cụ thể đề củng cố NTM, xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Thường xuyên kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ban Chỉ đạo, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM.

Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân ra diện rộng. Có khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê bình, uốn nắn các tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu tích cực trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

##### ***4.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền***

Tập trung và tuyên truyền những thành quả đạt được trong xây dựng NTM tạo niềm tin, cổ vũ động viên nhân dân tiếp tục hăng hái thực hiện Chương trình, coi xây dựng NTM là công việc lâu dài. Kiên trì nâng cao chất lượng tiêu chí, nâng cao đời sống nhân dân cùng với thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tuyên truyền công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, Ban Chỉ đạo các cấp. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền, nâng cao chất lượng cả chiều sâu, bề rộng nhằm làm cho các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp hiểu và chủ động tham gia xây dựng NTM.

##### ***4.3. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân***

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động số 64-CTr/HU ngày 02/4/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 12-CTr/HU ngày 16/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh tái cơ cấu toàn ngành nông nghiệp huyện theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, thành lập các HTX kiểu mới trong nông nghiệp, thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (chương trình

OCOP). Rà soát đánh giá lại hoạt động của các làng nghề và có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng. Tiếp tục phát triển một số ngành nghề chế biến nông sản, lâm sản, xây dựng, vật liệu xây dựng.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp của huyện như: Cụm công nghiệp liên xã Dân Lý- Dân Lực- Dân Quyền, Cụm công nghiệp Hợp Thắng, Cụm công nghiệp Nưa, Cụm công nghiệp Đồng Thắng 2; tiếp tục quảng bá kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất tại khu du lịch Đền Nưa - Am Tiên, thu hút các nhà đầu tư lớn có tầm cỡ để phát triển du lịch tâm linh và du lịch sinh thái để du lịch Triệu Sơn sớm trở thành khu du lịch trọng điểm của tỉnh và cả nước.

Nâng cao thu nhập của người dân nông thôn, hỗ trợ làm giàu, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường, quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững.

#### ***4.4. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp theo hướng đô thị hóa***

Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động các làng văn hóa. Phát huy, sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư xây dựng. Tập trung vào việc xây dựng gia đình văn hóa, con người văn hóa có tri thức, đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho 2 trường THPT (Trường THPT Triệu Sơn III, Trường THPT Triệu Sơn IV) để hoàn thiện cơ sở vật chất tiến tới công nhận trường chuẩn quốc gia nâng tổng số trường chuẩn quốc gia bậc THPT của huyện lên 6/6 trường đạt 100%.

Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học. Nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục mũi nhọn, chú trọng dạy nghề, đào tạo nghề cho lao động. Phần đầu chất lượng giáo dục của huyện luôn xếp tốp đầu của tỉnh. Tăng cường đầu tư bổ sung cơ sở vật chất trường học như tăng diện tích nhà vệ sinh cho học sinh, bố trí đủ bàn ghế, trang thiết bị dạy học đảm bảo duy trì nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia.

Bổ sung trang thiết bị, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đối với hệ thống cơ sở y tế. Vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế, chăm lo công tác bảo vệ và xây dựng cảnh quan môi trường. Từng bước đầu tư xây dựng hệ thống rãnh thoát nước trong tất cả các khu dân cư; lát vỉa hè làm đường điện ánh sáng, trồng cây xanh những nơi có điều kiện. Thiết thực tổ chức trồng cây, trồng hoa các tuyến đường, cơ quan công sở, nơi công cộng. Xây dựng các khu vui chơi công cộng, hệ thống ao, hồ, công viên cây xanh tại các xã nhằm nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường.

#### ***4.5. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, rà soát ban hành cơ chế hỗ trợ trong giai đoạn tới***

Công cuộc xây dựng NTM, tiến tới xây dựng đô thị hóa nông thôn là lâu dài, ngoài nguồn vốn từ ngân sách các cấp, việc tiếp tục huy động nguồn lực trong dân là cần thiết, đây là nguồn lực to lớn nên từng xã, thôn phải có kế



hoạch huy động cụ thể vừa sức dân và huy động từ các thành phần kinh tế để tiếp tục đầu tư củng cố, duy tu, bảo dưỡng, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng NTM. Việc huy động nguồn lực trong nhân dân phải tuân thủ tuyệt đối theo pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, chính quyền không được áp đặt mà phải khơi dậy lòng tự hào và tình yêu quê hương, ý chí tự lực, tự cường, tự nguyện của người dân, doanh nghiệp theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ", "lấy sức dân để lo cho dân". Đảm bảo tất cả các nguồn lực, các công trình xây dựng NTM vừa sức dân, có hiệu quả cao và thiết thực, không lãng phí.

Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và đô thị hóa nông thôn; chú trọng các cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân; hỗ trợ duy trì, bảo dưỡng, nâng cao chất lượng các tiêu chí về giao thông, thủy lợi, xây dựng trường chuẩn, xã chuẩn quốc gia về y tế, cơ sở vật chất và các thiết chế văn hóa ở cơ sở...

#### **4.6. Quốc phòng-An ninh**

Xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh từ huyện đến xã, phối hợp chặt chẽ giữa Công an, Quân sự trong xây dựng cơ sở vững mạnh làm chủ. Thường xuyên thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, không để sự gia tăng của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn luôn được duy trì, giữ vững. Hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng hằng năm của huyện và các xã, thị trấn.

Với những kết quả và kinh nghiệm đạt được trong 11 năm qua, trong thời gian tới phát huy thành tích đã đạt được, kiên quyết và cầu thị để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong xây dựng NTM. Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân huyện Triệu Sơn quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng NTM ở giai đoạn tiếp theo và sớm trở thành đô thị trong những năm tới.

UBND huyện kính báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa tổ chức thẩm tra, Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận huyện Triệu Sơn đạt chuẩn NTM năm 2021./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- VP điều phối CT MTQG XDNTM TW (b/c);
- TTr TU, TT HỖND, UBND tỉnh Thanh Hóa (b/c);
- BCĐ CTXDNTM tỉnh Thanh Hóa (b/c);
- VP điều phối XDNTM tỉnh (b/c);
- Thành viên BCĐ huyện;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**BIỂU TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**  
**Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
1	<b>Quy hoạch</b>	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.		Đạt	Đạt	Đạt
2	<b>Giao thông</b>	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã.		Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch.	%	100%	62,5/62,5 km, đạt 100%	Đạt
3	<b>Thủy lợi</b>	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.		Đạt	Đạt	Đạt
4	<b>Điện</b>	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ; thuật của cả hệ thống.		Đạt	Đạt	Đạt
5	<b>Y tế - Văn hóa - Giáo dục</b>	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.		Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả.		Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn.	%	≥ 60%	4/6 trường, đạt 66,7%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
6	<b>Sản xuất</b>	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.		Đạt	Đạt	Đạt
7	<b>Môi trường</b>	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.		Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.	%	100%	5.103/5.103 cơ sở, đạt 100%	Đạt
8	<b>An ninh, trật tự XH</b>	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.		Đạt	Đạt	Đạt
9	<b>Chỉ đạo xây dựng NTM</b>	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.		Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.		Đạt	Đạt	Đạt